BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

MÔN TIẾNG CHĂM

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 34..../2020/TT-BGDĐT*

ngày 15. tháng 09 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Hà Nội, 2020

MỤC LỤC

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC 3

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH…… 3

III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH..... 4

IV. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH..... 6

V. YÊU CẦN CẦN ĐẠT 8

VI. NỘI DUNG GIÁO DỤC …….. 15

VII. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC…….. 56

VIII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC …… 60

IX. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ……..… 62

X. DANH MỤC VĂN BẢN (NGỮ LIỆU) …….. 63

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Tiếng Chăm là môn học thuộc lĩnh vực Giáo dục ngôn ngữ, được học từ cấp tiểu học đến cấp trung học phổ thông nhằm đáp ứng sự lựa chọn của học sinh người Chăm trong việc nâng cao năng lực ngôn ngữ và văn hóa Chăm. Trong hệ thống các môn học ở phổ thông, Tiếng Chăm là môn học tự chọn. Ở vùng có nhiều học sinh người Chăm, đây là môn học tự chọn thứ nhất.

Môn học Tiếng Chăm có mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ (Tiếng Chăm) thông qua các kỹ năng đọc, viết, nói, nghe trong đó chú trọng kỹ năng đọc, viết Tiếng Chăm nhằm góp phần phát triển công cụ ngôn ngữ cho học sinh để giúp học sinh có phương tiện giao tiếp trong cộng đồng người Chăm và mở rộng khả năng tiếp nhận tri thức cho học sinh.

Môn Tiếng Chăm chủ yếu sử dụng ngữ liệu văn hoá, văn học Chăm để dạy học nhằm góp phần giáo dục học sinh những giá trị cao đẹp về văn hóa, ngôn ngữ của dân tộc Chăm, hình thành ở học sinh ý thức giữ gìn, bảo vệ và phát triển văn hóa, dân tộc Chăm hài hòa với văn hóa của các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

Chương trình môn Tiếng Chăm có cấu trúc và nội dung tương hợp với các chương trình môn học khác nhằm giúp học sinh học tốt môn Tiếng Chăm đồng thời cũng học tốt các môn học khác.

II. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình Tiếng Chăm tuân thủ các quy định cơ bản được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông cho 12 năm học. Chương trình được xây dựng trên cơ sở lí luận và thực tiễn, cập nhật thành tựu nghiên cứu về khoa học tâm lý, khoa học ngôn ngữ, khoa học giáo dục.

2. Chương trình lấy việc rèn luyện các kỹ năng giao tiếp (đọc, viết, nói và nghe) làm trục chính xuyên suốt cả ba trình độ (A1, A2 và B) nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình phát triển năng lực. Kiến thức về Tiếng Chăm được nhận diện trên cơ sở tích hợp với việc nhận diện kiến thức Tiếng Việt được học ở môn Tiếng Việt và môn Ngữ văn nhằm phục vụ cho yêu cầu rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe.

3. Chương trình được xây dựng theo hướng mở, thể hiện ở việc không quy định chi tiết về nội dung dạy học mà chỉ quy định những yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe cho mỗi cấp độ; quy định một số kiến thức cơ bản về Tiếng Chăm.

4. Chương trình vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới, vừa chú trọng kế thừa và phát huy những ưu điểm của chương trình môn Ngữ văn mới và chương trình môn Tiếng Chăm cũng như chương trình các tiếng dân tộc thiểu số khác mà Bộ đã ban hành.

5. Chương trình đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật; không có định kiến xã hội về giới, sắc tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, địa vị.

III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

a) Hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tình yêu và ý thức bảo tồn các ngôn ngữ của dân tộc Việt Nam. Môn Tiếng Chăm giúp học sinh có thái độ học tập tích cực; có ý thức về tiếng nói và cội nguồn dân tộc Chăm, góp phần bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc Chăm, đồng thời có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hóa các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam.

b) Góp phần giúp học sinh phát triển các năng lực chung:năng lực đặc thù, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực liên văn hóa, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực công nghệ thông tin. Đặc biệt, môn Tiếng Chăm giúp học sinh phát triển năng lực chuyên biệt ngôn ngữ, năng lực vận dụng vốn kiến thức Tiếng Chăm đã được học để trở thành một người có văn hoá Chăm, biết tiếp nhận và tạo lập các văn bản thông dụng trong cuộc sống giao tiếp hàng ngày ở địa phương. Học sinh có cơ hội sử dụng ngôn ngữ Tiếng Chăm vào thực tiễn về các lĩnh vực văn hóa, xã hội địa phương.

Thông qua việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp cơ bản bằng Tiếng Chăm, môn học giúp học sinh mở rộng hiểu biết về con người, cuộc sống, truyền thống văn hóa của dân tộc Chăm và một số dân tộc anh em; hình thành và phát triển ở học sinh các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Chăm, rèn luyện các thao tác tư duy, giúp học sinh học tốt môn Ngữ văn và các môn văn hóa khác trong trường học.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu trình độ A1 (cấp học tiểu học)

- Học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu với các biểu hiện cụ thể: yêu thiên nhiên, trường lớp, gia đình, quê hương; có ý thức đối với cội nguồn; yêu thích cái đẹp, cái thiện và có cảm xúc lành mạnh; có thái độ tích cực về việc học Tiếng Chăm, ham thích lao động; thật thà, ngay thẳng trong học tập và đời sống; có ý thức thực hiện trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, xã hội và môi trường xung quanh.

- Học sinh bước đầu hình thành các năng lực chung, phát triển năng lực ngôn ngữ Tiếng Chăm ở tất cả các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết với mức độ căn bản: đọc đúng, trôi chảy các từ ngữ được học; hiểu nghĩa của từ ngữ, nội dung của văn bản được đọc; viết đúng chính tả, ngữ pháp được học; viết được một số từ ngữ, câu ngắn, đơn giản.

b) Mục tiêu trình độ A2 (cấp học trung học cơ sở)

- Học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất tốt đẹp đã được hình thành trình độ A1; nâng cao và mở rộng yêu cầu phát triển về phẩm chất với các biểu hiện cụ thể như: biết tự hào về lịch sử và văn hóa dân tộc; có ước mơ và khát vọng, có tinh thần tự học và tự trọng, có ý thức công dân, tôn trọng pháp luật.

- Tiếp tục phát triển các năng lực chung, năng lực ngôn ngữ Tiếng Chăm, đã hình thành ở trình độ A1 với các yêu cầu cần đạt cao hơn. Phát triển năng lực ngôn ngữ với yêu cầu: đọc hiểu được nội dung các câu, đoạn, bài được học; nói dễ hiểu, mạch lạc; có thái độ tự tin, phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp và cách thức biểu đạt của ngôn ngữ Tiếng Chăm.

c) Mục tiêu cấp độ B (cấp học trung học phổ thông)

- Học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất đã được hình thành ở cấp độ A; củng cố và nâng cao yêu cầu phát triển phẩm chất với các biểu hiện cụ thể: có bản lĩnh, cá tính, có lý tưởng và hoài bão, biết giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc Chăm nói riêng và văn hóa Việt Nam nói chung.

- Tiếp tục phát triển các năng lực đã hình thành ở cấp độ A với các yêu cầu cần đạt cao hơn: Nhận biết được một số biện pháp tu từ trong văn bản văn học; đọc hiểu được nội dung đoạn, bài văn với độ khó cao hơn thể hiện qua dung lượng, nội dung và yêu cầu đọc; hiểu được những thông tin cơ bản, chủ đề và ý nghĩa của văn bản. Viết thành thạo đoạn văn, bài văn theo chủ đề, chủ điểm. Nói và nghe linh hoạt, có khả năng nghe và đánh giá được nội dung cũng như hình thức biểu đạt của bài thuyết trình; biết tham gia và có chủ kiến, cá tính, có thái độ phù hợp trong tranh luận.

IV.CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

1. Cấu trúc

Cấu trúc chương trình Tiếng Chăm theo bậc và trình độ. Chương trình Tiếng Chăm trong trường phổ thông gồm 2 bậc (Bậc A và Bậc B) cơ cấu bằng 03 trình độ chuẩn đầu ra:

-Bậc A có 02 trình độ: Trình độ A1 và Trình độ A2;

-Bậc B có 01 trình độ: Trình độ B.

2. Thời lượng chương trình

-Tổng thời lượng : 1085 tiết.

-Phân phối chương trình:

+Trình độ A1: 350 tiết

+Trình độ A2: 420 tiết

+Trình độ B: 315 tiết

3. Khung kế hoạch dạy học

Thời lượng chương trình			**Khung kế hoạch - dạy học**		
Bậc	**Trình độ**	**Năm**	**Tiểu học**	**THCS**	**THPT**
A	A1 350 tiết	Năm thứ nhất -70 tiết	Lớp 1		
		Năm thứ hai -70 tiết	Lớp 2		
		Năm thứ ba -70 tiết	Lớp 3		
		Năm thứ tư -70 tiết	Lớp 4		
		Năm thứ năm -70 tiết	Lớp 5		
	A2 420 tiết	Năm thứ nhất -105 tiết		Lớp 6	
		Năm thứ hai -105 tiết		Lớp 7	
		Năm thứ ba -105 tiết		Lớp 8	
		Năm thứ tư -105 tiết		Lớp 9	
B	B 315 tiết	Năm thứ nhất -105 tiết			Lớp 10
		Năm thứ hai -105 tiết			Lớp 11
		Năm thứ ba -105 tiết			Lớp 12

4. Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục

Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục do tác giả sách giáo khoa và giáo viên chủ động sắp xếp căn cứ vào yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp và thực tế dạy học. Tuy nhiên, cần bảo đảm tỉ lệ hợp lý giữa các thành phần sau:

-Giữa trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng (trọng tâm là rèn luyện kỹ năng thực hành, vận dụng)

-Giữa các kiểu, loại văn bản dùng làm ngữ liệu để đọc, viết, nói và nghe (dành tỉ lệ thời lượng phù hợp cho các kiểu loại văn bản văn học, văn bản thông tin, văn bản nghị luận)

Trình độ	Văn bản văn học	Văn bản thông tin	Văn bản nghị luận
A1	40%	60%	
A2	50%	50%	
B	50%	35%	15%

-Thời lượng dành cho các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe, kiến thức tiếng Chăm ở từng trình độ như sau:

Trình độ	Đọc	Viết	Nói và nghe	Kiến thức Tiếng Chăm
A1	Khoảng 50%	Khoảng 25%	Khoảng 15%	10%
A2	Khoảng 50%	Khoảng 25%	Khoảng 15%	10%
B	Khoảng 40%	Khoảng 30%	Khoảng 15%	15%

V. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung

Môn Tiếng Chăm góp phần hình thành, phát triển ở học sinh những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình giáo dục phổ thông .

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn Tiếng Chăm

a) Yêu cầu cần đạt về kỹ năng sử dụng tiếng Chăm

- NGHE

Bậc A		Bậc B
Trình độ A1	Trình độ A2	Trình độ B
Yêu cầu chung: Nghe và nhắc lại được được những nội dung quan trọng từ ý kiến của người khác. **Yêu cầu cụ thể :** -Giai đoạn âm,vần và chữ số: (từ lớp 1 đến lớp 3) + Nghe và hiểu được âm, vần và chữ số một cách chính xác, nhanh. + Nghe và hiểu được chính xác nghĩa của các từ khóa, từ ứng dụng và câu ứng dụng. -Giai đoạn đọc văn bản, đoạn văn, đoạn thơ (lớp 4 và lớp 5) + Nghe và hiểu được ý chính của đoạn văn, đoạn thơ và một số văn bản thông tin đơn giản.	**Yêu cầu chung**: Biết kể lại nội dung câu chuyện đã nghe và bước đầu nêu ý kiến nhận xét về những điều được nghe. **Yêu cầu cụ thể :** -Thuật lại được một sự việc đã biết hoặc đã tham gia (sự việc tai nghe, mắt thấy) -Nghe hiểu và biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.	**Yêu cầu chung**: Có khả năng nghe và đánh giá được nội dung cũng như hình thức biểu đạt của bài thuyết trình; biết tham gia và có chủ kiến, cá tính, có thái độ tranh luận phù hợp trong tranh luận. **Yêu cầu cụ thể :** - Nắm bắt được nội dung và quan điểm của câu chuyện đã nghe. - Thuật lại một sự việc tai nghe mắt thấy.

- NÓI

Bậc A		Bậc B
Trình độ A1	Trình độ A2	Trình độ B
Yêu cầu chung:Biết trình bày ý kiến tương đối rõ ràng; có thái độ tự tin; biết sử dụng lời nói, cử chỉ điệu bộ thích hợp; biết tôn trọng các ý kiến trao đổi; biết giới thiệu về bản thân, gia đình. **Yêu cầu cụ thể :** -Giai đoạn lớp 1, 2, 3: *phát âm đúng, tương đối chuẩn các từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng.* -Giai đoạn lớp 4, lớp 5: *+Nói rõ ràng,mạch lạc và bước đầu nói có diễn cảm.* *+Biết trình bày ý tưởng rõ ràng, có cảm xúc; có thái độ tự tin; sử dụng lời nói, cử chỉ điệu bộ thích hợp.* *+Bước đầu biết phát biểu ý kiến trong thảo luận nhóm học tập, trong sinh hoạt tổ, lớp. Bước đầu biết thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận, thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự.*	**Yêu cầu chung**:Biết kể lại nội dung câu chuyện đã nghe, đã học ; thuật lại được sự việc đã chứng kiến; trình bày được ý kiến về một sự việc có quan tâm; biết giới thiệu về gia đình, trường học, lịch sử văn hóa, về nhân vật tiêu biểu của địa phương ; biết trao đổi, thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi. **Yêu cầu cụ thể :** *-Kể lại được nội dung câu chuyện đã nghe, đã học.* *- Biết trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.* *- Biết giới thiệu thành đoạn ngắn về gia đình, nhà trường, lịch sử văn hóa,về nhân vật tiêu biểu của địa phương.*	**Yêu cầu chung**:Biết thuyết trình về một chủ đề gắn với đặc điểm văn hóa, xã hội của địa phương. Trình bày vấn đề một cách tự tin, có sức thuyết phục. **Yêu cầu cụ thể :** *-Biết trình bày ý kiến so sánh, đánh giá hai câu chuyện đã nghe, đã học.* *- Biết thể hiện thái độ, ý kiến riêng trong thảo luận, tranh luận và biết điều chỉnh ý kiến trong các cuộc thảo luận, tranh luận.* *-Biết tranh luận một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau.* *-Biết giới thiệu thành bài về gia đình, trường học, lịch sử văn hóa, về nhân vật tiêu biểu của địa phương.*

- ĐỌC

Bậc A		Bậc B
Trình độ A1	Trình độ A2	Trình độ B
Yêu cầu chung: Đọc đúng, rõ ràng, mạch lạc các đoạn văn, bài văn, bài thơ; bước đầu hiểu được nội dung bài học rút ra từ văn bản đã đọc (ở mức đơn giản). **Yêu cầu cụ thể :** -Giai đoạn học âm, vần và chữ số: (từ lớp 1 đến lớp 3) : *nhận biết tương đối nhanh hệ thống ký hiệu ghi âm, dấu âm, chữ số,từ đó có cơ sở đọc và hiểu đúng các từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng.* -Giai đoạn đọc văn bản, đoạn văn, đoạn thơ (lớp 4, lớp 5) *+Đọc đúng, rõ ràng, mạch lạc các văn bản, đoạn văn, đoạn thơ có độ dài khoảng 30-50 chữ, tốc độ đọc 15-20 chữ/phút; biết cách ngắt nghỉ các cụm từ dài trong câu, các dấu phẩy, dấu chấm.* *+Bước đầu biết đọc thầm, đọc lướt, đọc diễn cảm một đoạn văn*	**Yêu cầu chung**: Đọc đúng văn bản nghệ thuật, văn bản thông tin, báo chí bằng tiếng Chăm; nhận biết được ý chính của từng đoạn và nội dung chính của văn bản. **Yêu cầu cụ thể :** *- Đọc đúng, rõ ràng, mạch lạc các đoạn văn, bài văn, bài thơ có độ dài khoảng 50-90 chữ, tốc độ đọc 20-30 chữ/phút. Biết cách ngắt nghỉ sau các cụm từ dài trong câu,sau các dấu phẩy, dấu chấm.* *-Đọc thầm với tốc độ khoảng 35chữ/phút.* *-Bước đầu biết cách đọc lướt một đoạn văn.* *- Biết đọc diễn cảm bài thơ, bài văn.*	**Yêu cầu chung**: Biết vận dụng kiến thức ngôn ngữ tiếng Chăm đã học để hiểu được những thông tin cơ bản của văn bản, hiểu được chủ đề, thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc. **Yêu cầu cụ thể :** *- Đọc đúng và lưu loát văn bản nghệ thuật, hành chính, khoa học, thông tin, báo chí có độ dài khoảng 100-150 chữ, tốc độ đọc 30-40 chữ/phút. Biết cách ngắt nghỉ các cụm từ dài trong câu, các dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm cảm…và các từ nối trong câu* *- Đọc thầm với tốc độ 40-50chữ/phút.* *- Biết đọc lướt, đọc diễn cảm một*

ngắn. *+ Trả lời được câu hỏi văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý. Tìm được ý chính trong đoạn văn, đoạn thơ.* *+ Đọc thuộc một số đoạn văn và một số bài thơ đã học khoảng 30 chữ.*	*- Bước đầu biết đánh giá nội dung và hình thức của văn bản.* *-Đọc thuộc một số đoạn văn và một bài thơ đã học khoảng 40 chữ.*	*văn bản.* *-Xác định được đề tài văn bản; biết phân tích, đánh giá nội dung và đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của văn bản. Thấy được ý nghĩa của văn bản đối với bản thân.* *-Đọc thuộc một số đoạn văn khoảng 40-60 chữ; một vài bài thơ đã học.*

- VIẾT

Bậc A		Bậc B
Trình độ A1	Trình độ A2	Trình độ B
Yêu cầu chung:- Viết đúng mẫu chữ cỡ chữ nhỡ và nhỏ; chữ viết rõ ràng, đủ nét, đủ dấu âm, thẳng hàng dưới dòng kẻ. Viết được một số từ ngữ hoặc câu đơn giản theo hình thức nhìn-viết, nghe-viết. Viết được một đến hai câu văn, câu thơ đúng chính tả, đúng ngữ pháp. **Yêu cầu cụ thể :**	**Yêu cầu chung**:- Viết đúng mẫu chữ cỡ chữ nhỏ; chữ viết rõ ràng, đủ nét, đủ dấu âm, thẳng hàng dưới dòng kẻ. Viết đúng chính tả một đoạn văn, đoạn thơ theo các hình thức nhìn-viết, nghe-viết và nhớ-viết . Vận dụng các từ ngữ và mẫu câu đã học để viết được đoạn văn ngắn, đơn giản theo chủ đề tự chọn.	**Yêu cầu chung**:Viết được đoạn văn, bài văn về chủ đề, chủ điểm gắn với văn hóa, xã hội của địa phương; viết đúng quy trình. Bài viết thể hiện được cảm xúc, thái độ, những trải nghiệm và ý tưởng của cá nhân đối với những vấn đề đặt ra trong đời sống. **Yêu cầu cụ thể :**

Kỹ thuật viết - Viết đúng mẫu chữ, cỡ chữ nhỡ và nhỏ; chữ viết rõ ràng, đủ nét, đủ dấu âm, thẳng hàng dưới dòng kẻ. + Biết cách viết phụ âm cuối trong một âm tiết. + Viết đúng theo chiều kim đồng hồ, từ trái sang phải. + Viết đúng mắt chữ, lưng chữ, bụng chữ và đuôi chữ. - Viết đúng chính tả một đến hai câu văn, câu thơ có độ dài khoảng 15 chữ đã học theo hình thức nhìn viết (tập chép) hoặc nghe – viết. **Thực hành viết** - Viết đúng các âm, vần, từ hay cụm từ đã học. - Điền được từ, cụm từ [phần thông tin còn trống] trong câu văn. - Viết được câu trả lời ngắn cho câu	**Yêu cầu cụ thể :** **Kỹ thuật viết** - Viết đúng mẫu chữ, cỡ chữ nhỡ và nhỏ; chữ viết rõ ràng, đủ nét, đủ dấu âm, thẳng hàng dưới dòng kẻ. - Viết đúng chính tả từ 4 đến 6 câu văn hoặc câu thơ có độ dài khoảng 30-50 chữ đã học theo hình thức nghe – viết hoặc nhớ- viết. - Viết đúng các âm, vần, từ trong đoạn văn, đoạn thơ đã học. **Quy trình viết** - Biết tìm ý và lập dàn ý để viết một đoạn văn. **Thực hành viết** - Viết được bức thư cho người thân. - Viết được đoạn văn kể, miêu tả đơn giản.	**Kỹ thuật viết**: +Viết đúng mẫu chữ, cỡ chữ nhỏ; chữ viết rõ ràng, đủ nét, đủ dấu âm, thẳng hàng dưới dòng kẻ. + Viết đúng chính tả đoạn văn, đoạn thơ có độ dài khoảng 50-60 chữ đã học theo hình thức nghe – viết hoặc nhớ-viết. **Quy trình viết** -Biết tìm ý và lập dàn ý để viết một bài văn kể chuyện, miêu tả(gồm 3 phần: mở bài, thân bài và kết luận). **Thực hành viết** -Viết được bài văn kể chuyện đã nghe, đã đọc hoặc đã chứng kiến, tham gia. - Viết được bài văn miêu tả. - Viết được một số văn bản thông

hỏi đơn giản.		tin thông dụng.

b) Yêu cầu cần đạt về kiến thức Tiếng Chăm

-Các mạch kiến thức Tiếng Chăm:

+***Ngữ âm và chữ viết***: âm, chữ, dấu âm, bộ vần (chỉ học đến lớp 3), quy tắc chính tả (chỉ học ở cấp học tiểu học).

+***Từ vựng***: mở rộng vốn từ, nghĩa của từ từ ngữ và cách dùng, cấu tạo từ, quan hệ nghĩa giữa các từ ngữ.

+Ngữ pháp: dấu câu, từ loại, cấu trúc ngữ, đoạn và cấu trúc câu, các kiểu câu và cách dùng.

+***Hoạt động giao tiếp***: biện pháp tu từ, đoạn văn, văn bản và các kiểu văn bản, một số vấn đề về phong cách ngôn ngữ và ngữ dụng.

+***Sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể của ngôn ngữ***: từ mượn, từ ngữ mới và nghĩa mới của từ ngữ, chữ viết Tiếng Chăm, các biến thể ngôn ngữ phân biệt theo phạm vi địa phương, xã hội, chức năng, trong đó có văn bản đa phương thức; từ có trung tố; tiền tố.

-Phân bố các mạch kiến thức Tiếng Chăm ở từng trình độ /cấp học:

+Trình độ A1/ Cấp học tiểu học: một số hiểu biết sơ giản về ngữ âm, chữ viết, từ vựng,ngữ pháp, hoạt động giao tiếp và biến thể ngôn ngữ (dấu biến âm, vần phức biến âm, biến thể trong từ vựng qua tiền tố); có khả năng nhận biết,bước đầu hiểu được các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan và vận dụng trong giao tiếp.

+Trình độ A2/Cấp học trung học cơ sở: những hiểu biết cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp, sự phát triển ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ (phương ngữ, biệt ngữ; ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh,...) giúp học sinh có khả năng hiểu các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan và vận dụng trong giao tiếp.

+Trình độ B/Cấp học trung học phổ thông: một số hiểu biết nâng cao về Tiếng Chăm giúp học sinh hiểu, phân tích và bước đầu đánh giá các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan, chú trong những cách diễn đạt sáng tạo và sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.

c) Yêu cầu cần đạt về kiến thức văn hóa

Môn Tiếng Chăm là môn học công cụ góp phần giáo dục học sinh những giá trị cao đẹp về văn hóa, văn học và ngôn ngữ Chăm nói riêng và văn hóa, văn học và ngôn ngữ của người Việt nói chung. Qua quá trình học tập môn Tiếng Chăm, học sinh có cơ hội bồi dưỡng và phát triển những cảm xúc lành mạnh, tình cảm nhân văn, lối sống nhân ái, vị tha – nét đẹp chung của văn hóa Việt Nam.

+ Trình độ A1/ Cấp học tiểu học:Học sinh nhận biết được một số lễ hội, trò chơi dân gian của người Chăm và người Việt, một số đặc điểm về trang phục, ẩm thực đặc sắc của người Chăm và người Việt.

+ Trình độ A2/ Cấp học trung học cơ sở:Học sinh có những hiểu biết về phong tục tập quán, luật tục, lễ hội… truyền thống của người Chăm và người Việt; cảm nhận được những nét đẹp trong truyền thống văn hóa của người Chăm.

+ Trình độ B/ Cấp học trung học phổ thông: Học sinh nhận biết được những đặc sắc về văn học, văn hoá dân tộc Chăm; biết thể hiện tinh thần,thái độ trân trọng bản sắc văn hóa dân tộc Chăm nói riêng và văn hóa người Việt nói chung.

VI. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

Nội dung dạy học ở mỗi trình độ A1, A2 và B được xác định dựa trên các yêu cầu cần đạt của mỗi mức độ cụ thể, tương ứng với mỗi lớp, gồm: hoạt động nghe, nói, đọc, viết ; kiến thức Tiếng Chăm; ngữ liệu (văn học, văn hóa Chăm và văn hóa dân tộc Việt Nam).

a) Kỹ năng ngôn ngữ

- Nghe và nói:

+ Kỹ năng nói: gồm các yêu cầu về âm lượng, tốc độ, sự liên tục, cách diễn đạt, trình bày, thái độ, sự kết hợp các cử chỉ, điệu bộ, phương tiện hỗ trợ khi nói.

+ Kỹ năng nghe: gồm các yêu cầu về cách nghe, cách ghi chép, hỏi đáp, thái độ, sự kết hợp các cử chỉ, điệu bộ khi nghe, nghe qua các phương tiện kỹ thuật.

+ Kỹ năng nói và nghe có tính tương tác: gồm các yêu cầu về thái độ, sự tôn trọng nguyên tắc hội thoại và các quy định trong thảo luận, phỏng vấn.

- Đọc:

+ Kỹ thuật đọc: gồm các yêu cầu về tư thế đọc, kỹ năng đọc thành tiếng, đọc thầm.

+ Đọc hiểu: đối tượng đọc gồm văn bản văn học, văn bản thông tin.

+ Học thuộc lòng một số đoạn, văn bản văn học chọn lọc.

- Viết:

+ Kỹ thuật viết: gồm các yêu cầu về tư thế viết, kỹ năng viết chữ và viết chính tả, kỹ năng trình bày bài viết.

+ Viết câu, đoạn, văn bản: gồm các yêu cầu về quy trình tạo lập văn bản và yêu cầu thực hành viết theo đặc điểm của các kiểu văn bản.

b) Kiến thức Tiếng Chăm

- Các mạch kiến thức Tiếng Chăm:

+ Ngữ âm và chữ viết: Bảng chữ cái Tiếng Chăm, 10 chữ số Chăm, tổ hợp phụ âm, vần, dấu âm xung quanh âm đầu, quy tắc chính tả (chỉ học ở trình độ A1).

+ Từ vựng: mở rộng vốn từ, nghĩa của từ ngữ và cách dùng; từ Chăm có cấu tạo khác với cấu tạo từ trong Tiếng Việt.

+ Ngữ pháp: từ loại, cấu trúc câu, các kiểu câu và cách dùng; câu có cấu trúc khác với cấu trúc câu trong Tiếng Việt.

+ Hoạt động giao tiếp: từ vựng, đoạn văn, văn bản và các kiểu văn bản, một số vấn đề đặc trưng của Tiếng Chăm về phong cách ngôn ngữ và ngữ dụng.

+ Sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ: từ mượn, từ ngữ mới và nghĩa mới của từ ngữ, chữ viết Tiếng Chăm, các biến thể ngôn ngữ phân biệt theo phạm vi địa phương, xã hội, chức năng, trong đó có văn bản đa phương thức (ngôn ngữ trong sự kết hợp với hình ảnh, ký hiệu, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,...) như là một biến thể của giao tiếp ngôn ngữ.

- Phân bổ các mạch kiến thức Tiếng Chăm ở từng trình độ /cấp học:

+ **Trình độ A1**: Một số hiểu biết sơ giản về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp và biến thể ngôn ngữ (ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, âm thanh); có khả năng nhận biết, bước đầu hiểu được các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan và vận dụng trong giao tiếp.

+ **Trình độ A2**: Những hiểu biết cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp, sự phát triển ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ (từ ngữ địa phương, từ mượn, ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, âm thanh, số liệu) giúp học sinh có khả năng hiểu các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan và vận dụng trong giao tiếp.

+Trìnhđộ B: Hệ thống, củng cố kiến thức Tiếng Chăm đã học ở cấp độ A. Mở rộng, nâng cao kiến thức Tiếng Chăm về các lĩnh vực văn hóa, xã hội địa phương thông qua các chủ đề.

c) Ngữ liệu

Trong môn Tiếng Chăm, ngữ liệu là một bộ phận cấu thành của nội dung giáo dục, góp phần quan trọng trong việc hình thành, phát triển ở học sinh những phẩm chất và năng lực được nêu trong chương trình. Để đáp ứng yêu cầu hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh, ngữ liệu được lựa chọn bảo đảm các tiêu chí sau:

- Phục vụ trực tiếp cho việc phát triển các phẩm chất và năng lực theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình.

- Phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nhận thức, đặc điểm tâm – sinh lý của học sinh ở từng lớp học, cấp học. Từ ngữ dùng làm ngữ liệu dạy tiếng ở trình độ A1 được chọn lọc trong phạm vi vốn từ văn hoá, có ý nghĩa tích cực, bảo đảm mục tiêu giáo dục phẩm chất, giáo dục ngôn ngữ, giáo dục thẩm mỹ và phù hợp với tâm lý học sinh.

- Có giá trị ngôn ngữ thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc Chăm.

Ngữ liệu tác phẩm cần có độ gần về mặt thời gian; phù hợp với chủ điểm, chủ đề bài học; phù hợp với tâm lý và đặc thù văn hóa, nhận thức của học sinh dân tộc Chăm. Nguồn ngữ liệu chủ yếu được lấy từ ngôn ngữ thông dụng, các văn bản thông tin sử dụng hàng ngày, văn học dân gian và văn học viết của người Chăm. Ngoài ra, nguồn ngữ liệu còn được lấy từ một số văn bản, tác phẩm có giá trị đặc sắc về văn học, văn hóa của các dân tộc Việt Nam và thế giới.

2. Nội dung cụ thể

Yêu cầu cần đạt và nội dung giáo dục cho từng năm học, từ năm thứ nhất đến năm thứ 12 (nội dung giáo dục tương ứng với số tiết học theo năm học của mỗi cấp học).

Trình độ A1. Năm học thứ nhất (lớp 1; 70 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
I. NGHE - NÓI 1. Nghe Rèn luyện ở mức độ nghe hiểu tương đối nhanh, chính xác. 2. Nói Rèn luyện ở mức phát âm đúng và tương đối chuẩn; diễn đạt lời nói rõ ràng, mạch lạc và bước đầu nói có diễn cảm. 3. Nói – nghe tương tác:	**KIẾN THỨC TIẾNG CHĂM:** 1.Ngữ âm: Giới thiệu hệ thống chữ cái ghi âm, bao gồm phụ âm và nguyên âm: - Phụ âm: 31 chữ cái. ꨀ, ꨁ, ꨂ, ꨃ, ꨄ

- Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe. - Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. -Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. **II. ĐỌC** 1. Kỹ thuật đọc - Ngồi hoặc đứng thẳng lưng. - Đọc đúng và chính xác: âm, dấu âm và vần. - Đọc đúng và rõ ràng các từ khóa, từ ứng dụng, cụm từ ứng dụng trong từng bài học. - Thuộc lòng bảng chữ cái tiếng Chăm, thuộc 10 chữ số. - Đọc thầm (nhận biết và đọc được những chữ cái cùng âm nhưng khác ký tự; vần và chữ cái). 2. Đọc hiểu a) Đọc hiểu nội dung (từ ngữ) - Hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản. - Trả lời các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản về từ, câu ứng	ꨀ, ꨁ, ꨂ, ꨃ, ꨄ, ꨅ ꨆ, ꨇ, ꨈ, ꨉ, ꨊ, ꨋ ꨌ, ꨍ, ꨎ, ꨏ, ꨐ, ꨑ ꨒ, ꨓ, ꨔ, ꨕ, ꨖ, ꨗ, ꨘ, ꨙ - Nguyên âm: 6 chữ cái ꨚ, ꨛ, ꨜ, ꨝ, ꨞ, ꨟ - Dấu âm: + Dấu âm đặt trước chữ cái: 3 dấu âm ꨠ□, ꨡ□, ꨢ□ + Dấu âm đặt trên chữ cái: 8 dấu âm □ꨣ, □ꨤ, □ꨥ, □ꨦ, □ꨧ, □ꨨ □ꨩ□ꨪ + Dấu âm đặt dưới chữ cái: 05 dấu âm □ꨫ, □ꨬ, □ꨭ, □ ꨮ, □ꨯ + Dấu âm đặt sau chữ cái: 02

dụng.. b) Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được các hình dáng của các con chữ: giống và khác nhau giữa con chữ và con chữ; giữa vần và con chữ; giữa vần và con chữ. - Nhận biết được cách sắp xếp từ theo gợi ý của giáo viên. c) Liên hệ, so sánh, kết nối - Liên hệ được tranh minh họa với từ vựng. - Nêu được ý nghĩa của từ vựng tiếng dân tộc đối chiếu với tiếng phổ thông (tiếng Việt) d) Đọc mở rộng - Trong 1 năm học đọc được các câu ngắn. Mỗi câu có độ dài khoảng từ 5-7 chữ. - Thuộc lòng các câu ngắn (tục ngữ, thành ngữ). Mỗi câu có độ dài khoảng từ 5-7 chữ. **II. VIẾT** 1. Kỹ thuật viết - Biết ngồi viết đúng tư thế: ngồi thẳng lưng; hai chân đặt vuông góc với mặt đất; một tay úp đặt lên góc vở, một tay cầm bút; không tì ngực vào mép bàn;khoảng cách giữa mắt và vở 25 cm;	□ʼ□ʔ + Dấu âm cấu tạo thành vần: 21 vần □ʔ, □ˑ, □ʳ□ʲ, □ʲ□ʷ, □ʔ, □ʔ□ʷ, □ʔ, □ʳ□ʲ, □ˑ ʼ □ˑ, □ʔ□ʷ□ʳ, □ʳ□ˑ□ʲ, □□, □ˑ, □ʔ · - Chữ số: 10 chữ số. ʔ, ᩐ, ᩒ, ᩖ, ᩗ, ᩋ, ᩍ, ᩌ, ᩎ, ᩉ· - 10 nét viết tiếng Chăm cơ bản. 2.Từ vựng: Cung cấp và trang bị cho học sinh một vốn từ ngữ thông dụng, cơ bản và gần gủi với các em. 3.Ngữ pháp: Cấu tạo từ và câu; từ có yếu tố tiền âm tiết; câu đơnvà các thành phần chính của câu đơn. **<u>Lưu ý:</u>** - Các em phân biệt được: + Chữ cái có nét viết gần giống nhau:

cầm bút bằng ba ngón tay (ngón cái, ngón trỏ,ngón giữa) - Viết đúng cỡ chữ, chữ số. - Đặt dấu âm đúng vị trí : trước, trên, dưới và sau âm đầu. Viết theo chiều quay của kim đồng hồ. Lưng chữ tựa vào dưới dòng kẻ đậm. - Viết đúng chính tả: âm, vần, từ vựng. *Tốc độ viết các từ của bài đã học khoảng 2 dòng trong vòng 10 phút.* 2. Viết âm, từ a) Quy trình viết Viết đúng và đủ nét các con chữ. b)Thực hành viết Viết đúng các âm, vần, từ hay cụm từ đã học.	ကၢ, က và ကၤ; ဂ và ကၤ; ဂ့ và ဂ့ ; ကှ và ဂှ + Chữ cái cùng âm khác ký tự: ဟ (nhỏ), ဢ (lớn), ဝ (nhỏ) và ဩ (lớn) +Vần được cấu tạo từ dấu âm có cùng âm phát với chữ cái: Vần ◌ိ và chữ cái ဳ Vần ◌ဳ và chữ cái ဂ့ + Từ xưng hô thông dụng khi giao tiếp ở nhà, ở trường (chào hỏi, xin lỗi, giới thiệu, cảm ơn, xin phép …). + Hình ảnh: Tranh, ảnh thiết kế minh họa từ ngữ hoặc tạo bối cảnh giao tiếp để hỗ trợ học sinh nhận biết ngôn ngữ và rèn luyện kỹ năng giao tiếp. **NGỮ LIỆU** Các ngữ liệu dùng để dạy âm, vần là các từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng thông dụng, dễ hiểu đối với học sinh. Các ngữ liệu để dạy âm, vần là những câu ca dao,tục ngữ, thành

	ngắn thuộc nền văn hóa Chăm và các nền văn hóa của các dân tộc anh em khác. Các từ ngữ có ý nghĩa tích cực mang tính giáo dục cao phù hợp với học sinh lớp 1.

Trình độ A1. Năm học thứ hai (lớp 2; 70 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
I. NGHE – NÓI 1. Nghe - Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói. Biết đặt câu hỏi những gì chưa rõ khi nghe. - Nghe được những nội dung quan trọng từ ý kiến của người khác. - Bước đầu biết nêu cảm nhận về nội dung được nghe. 2. Nói - Biết trình bày ý kiến rõ ràng . - Kể ngắn gọn về một câu chuyện đơn giản. - Biết giới thiệu ngắn về bản thân, gia đình, đồ vật yêu thích dựa trên gợi ý .	**KIẾN THỨC TIẾNG CHĂM:** 1.Ngữ âm: Tiếp tục giới thiệu hệ thống phụ âm ghép, hệ thống vần, cách biến đổi dấu giọng, cách ghép âm-vần, cách đánh vần vần và tiếng, cấu tạo vần và tiếng. - Phụ âm ghép với ◌ ; Phụ âm ghép với ◌ -Tiếp tục hệ thống vần được cấu tạo bằng dấu âm: 22 vần. ◌ , ◌

3. Nói-nghe tương tác - Bước đầu biết phát biểu ý kiến trong thảo luận nhóm học tập, trong sinh hoạt tổ , lớp. - Chú ý lắng nghe người khác, đóng góp ý kiến của mình, không nói chen ngang khi người khác đang nói. **II. ĐỌC** 1. Kỹ thuật đọc - Đọc đúng, rõ ràng và chính xác tên gọi: các âm, dấu âm và vần vừa học. - Đọc đúng và rõ ràng các từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng trong từng bài học. - Biết đọc thầm vần, từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng - Nhận biết và đọc được những vần theo quy luật ngắn-dài. 2. Đọc hiểu a) Đọc hiểu nội dung (từ ngữ) - Hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản về nghĩa của từ. - Trả lời các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của từ ngữ, cụm	๏□ำ’ □ำ · -Hệ thống vần được cấu tạo có phụ âm cuối: 39 vần. + Vần có phụ âm cuối □ᙏ: 20 vần. + Vần có phụ âm cuối □ᙍ: 07 vần. + Vần có phụ âm cuối □ᙓ: 06 vần. + Vần có phụ âm cuối □ᙐ: 05 vần. + Vần có phụ âm cuối □ᙑ: 01 vần. 2. Từ vựng: Cung cấp và trang bị cho học sinh một vốn từ ngữ thông dụng, cơ bản và gần gủi với các em. 3.Ngữ pháp: Cấu tạo từ và câu; từ có yếu tố tiền âm tiết; câu đơn và các thành phần chính của câu đơn. Lưu ý: - Học sinh phân biệt được:

từ. b) Đọc hiểu hình thức Nhận biết được các hình dáng của các con chữ: giống và khác nhau giữa con chữ và con chữ, giữa vần ngắn với vần dài. c) Liên hệ, so sánh, kết nối - Liên hệ được tranh minh họa với từ vựng. - Nêu được ý nghĩa của từ vựng tiếng dân tộc đối chiếu với tiếng Việt. d) Đọc mở rộng -Trong 1 năm học đọc được các câu ngắn. Mỗi câu có độ dài khoảng từ 10 từ. Từ 1 đến 2 câu. -Thuộc lòng các câu ngắn. Mỗi câu có độ dài khoảng từ 10 từ. **III. VIẾT** 1. Kỹ thuật viết - Viết đúng kích cỡ chữ. - Tiếp tục lưu ý đặt các dấu âm. Phụ âm cuối (chữ kết) viết kéo dài theo quy định. - Viết đúng chính tả: âm, vần, từ vựng. *Tốc độ viết các từ của bài*	+ Các cặp vần có âm phát ngắn-dài: Ví dụ: ꨯꨵꩃ và ꨵꩃ (khác nhau dấu âm) ꨯꨵꩄ và ꨵꩄ (khác nhau dấu âm) + Cách đánh vần vần, tiếng, từ. - Tiếp tục cung cấp vốn từ thông dụng trong giao tiếp ở nhà, ở trường (vật dụng trong nhà, ứng xử với thầy cô, bạn bè ở trường, …). - Tăng cường tranh, ảnh thiết kế minh họa từ ngữ hoặc tạo bối cảnh giao tiếp để hỗ trợ học sinh nhận biết ngôn ngữ và rèn luyện kỹ năng giao tiếp. **NGỮ LIỆU** - Các ngữ liệu dùng để dạy vần là các từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng thông dụng, dễ hiểu đối với học sinh. Các ngữ liệu để dạy vần là những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ thuộc nền văn hóa Chăm và các nền văn hóa của các dân tộc anh em khác. - Các từ ngữ có ý nghĩa tích cực mang tính

đã học khoảng 3 dòng trong vòng 10 phút. 2. Viết âm, từ a) Quy trình viết: Viết đúng và đủ nét các con chữ. b) Thực hành viết - Viết đúng các âm, vần, từ hay cụm từ đã học. - Điền được phần thông tin còn trống dưới tranh vẽ.	giáo dục cao phù hợp với học sinh lớp 2.

Trình độ A1. Năm học thứ ba (lớp 3; số tiết 70 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
I. NGHE – NÓI 1. Nghe - Chú ý nghe người khác nói. Biết đặt câu hỏi những gì chưa rõ khi nghe. - Biết hỏi và đáp kết hợp với cử chỉ điệu bộ thích hợp. 2. Nói - Biết nói và đáp lại lời chào hỏi, chia tay, cảm ơn, xin lỗi, lời mời, đồng ý, không đồng ý, từ chối với đối tượng người nghe.	**KIẾN THỨC TIẾNG CHĂM** 1. Ngữ âm: - Tiếp tục giới thiệu hệ thống vần, cách biến đổi dấu giọng, cách ghép âm-vần, cách đánh vần vần và tiếng, cấu tạo vần và tiếng. - Hệ thống vần được cấu tạo có phụ âm cuối: 100 vần (trong đó có 37 vần khó ít dùng). + Vần có phụ âm cuối □ꨯ: 12 vần.

- Nói ngắn gọn về một câu chuyện đơn giản: về đồ vật, vật nuôi. - Biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận. 3. Nói - nghe tương tác -Biết chú ý lắng nghe,tập trung vào câu chuyện trao đổi, không nói lạc đề. -Biết lắng nghe để hiểu đúng thông tin; tập trung vào mục đích cuộc nói chuyện. **II. ĐỌC** 1. Kỹ thuật đọc - Đọc đúng và rõ ràng các từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng có vần vừa học trong từng bài học. - Biết cách đọc lướt một câu ngắn. 2. Đọc hiểu a) Đọc hiểu nội dung - Hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản. - Trả lời các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của bài học. b) Đọc hiểu hình thức	+ Vần có phụ âm cuối □ย: 15 vần. + Vần có phụ âm cuối □ม: 05 vần. + Vần có phụ âm cuối □ง: 05 vần. + Vần có phụ âm cuối □ว: 05 vần. + Vần có phụ âm cuối □อ: 07 vần. + Vần có phụ âm cuối □ม: 12 vần. + Vần có phụ âm cuối □ห: 02 vần. *Và 37 vần khó ít dùng. Dự kiến 37 vần ít dùng sẽ được dạy trong từng bài đọc, nếu có xuất hiện. Bởi vì có rất ít từ. 2. Từ vựng: Cung cấp và trang bị cho học sinh một vốn từ ngữ thông dụng, cơ bản và gần gủi với các em. 3. Ngữ pháp: Cấu tạo từ và câu; từ có yếu tố tiền âm tiết; câu đơn và các thành phần chính của câu đơn. Phần câu ứng dụng sẽ có từ một đến hai

- Nhận biết được sự khác nhau và giống nhau giữa vần phát âm ngắn với vần phát âm dài - Nhận biết được từ vựng có vần ngắn với vần dài. Từ đó hiểu được nghĩa của từ vựng. c) Liên hệ, so sánh, kết nối - Liên hệ được tranh minh họa hay đồ vật với từ vựng. - Nêu được ý nghĩa của từ vựng tiếng dân tộc đối chiếu với tiếng Việt. d) Đọc mở rộng - Đọc được các câu ngắn (tục ngữ, ca dao). Mỗi câu có độ dài khoảng từ 10-15 chữ. - Thuộc lòng các câu ngắn (tục ngữ, thành ngữ, ca dao). Mỗi câu có độ dài khoảng từ 10-15 chữ. **III. VIẾT** 1. Kỹ thuật viết - Viết đúng kích cỡ chữ. - Viết phụ âm cuối (chữ cái kết) viết kéo dài theo quy định. Lưu ý từ có 1,2 Lang likuuk.	câu có đầy đủ chủ ngữ và vị ngữ. Lưu ý: HS cần phân biệt được: - Các cặp vần có âm phát ngắn-dài: Ví dụ: ◌ꯧ◌ꯩ và ◌ꯩ (khác nhau dấu âm) ◌ꯧ◌ꯥ and ◌ꯥ (khác nhau dấu âm) ◌ꯧ◌ꯣ và ◌ꯣ (khác nhau dấu âm) ◌ꯣ và ◌ꯤꯣ (khác nhau dấu âm) ……. - Tiếp tục học đánh vần, tiếng , từ có Lang likuuk (tiền tố). - Tiếp tục cung cấp các từ, câu đơn thông dụng trong giao tiếp ở nhà, ở trường , môi trường chung quanh (vật dụng trong nhà, với ông bà cha mẹ, ứng xử với thầy cô, bạn bè ở trường, môi trường xung quanh,…). - Hình ảnh: Tranh, ảnh thiết kế minh họa từ ngữ hoặc tạo bối cảnh giao tiếp để hỗ trợ học

- Viết đúng chính tả và lưu ý những từ vựng dễ viết sai do đặc điểm phát âm của địa phương. *Tốc độ viết các từ của bài đã học khoảng 4 dòng trong vòng 10 phút*. - Trình bày bài viết sạch sẽ,đúng quy định. 2. Viết âm, từ a) Quy trình viết Viết đúng từ, cụm từ hay câu ngắn. b) Thực hành viết - Viết đúng các từ, cụm từ hay câu ngắn đã học. - Điền được phần thông tin còn trống dưới tranh vẽ.	sinh nhận biết ngôn ngữ và rèn luyện kỹ năng giao tiếp. **NGỮ LIỆU** Các ngữ liệu dùng để dạy vần là các từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng thông dụng, dễ hiểu đối với học sinh. Các ngữ liệu để dạy vần là những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ, đồng dao, câu đố thuộc nền văn hóa Chăm và các nền văn hóa của các dân tộc anh em khác. ***2.Gợi ý chọn từ***: (xem danh mục gợi ý) 3.Các từ ngữ có ý nghĩa tích cực mang tính giáo dục cao phù hợp với học sinh lớp 3.

Trình độ A1. Năm học thứ tư (lớp 4; 70 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
I. NGHE – NÓI 1. Nghe -Nghe và hiểu chủ đề, những chi tiết quan trọng trong câu chuyện.	**KIẾN THỨC TIẾNG CHĂM** 1. Quy tắc chính tả phân biệt giữa:

2. Nói - Nói rõ ràng, biết tập trung vào mục đích nói, có thái độ tự tin và bước đầu biết kết hợp cử chỉ, điệu bộ để tăng hiệu quả giao tiếp. - Nói được về một đề tài có sử dụng phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, sơ đồ,…). - Nói ngắn gọn về một câu chuyện đơn giản: về đồ vật, vật nuôi trong nhà. 3. Nói - nghe tương tác - Thực hiện đúng những quy định trong thảo luận. - Biết đóng góp ý kiến vào việc thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm hoặc một nhiệm vụ mà nhóm, lớp phải thực hiện. **II. ĐỌC** 1. Kỹ thuật đọc - Đọc đúng và rõ ràng các từ vựng có các âm đầu, phụ âm cuối trong bài học. - Bước đầu đọc rõ ràng, mạch lạc các đoạn văn ngắn, bài văn miêu tả, bài thơ: nhấn giọng đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. Tốc độ đọc 10-15 chữ/phút. - Bước đầu biết đọc thầm với tốc độ 15-20 chữ/phút.	- Phụ âm cuối □ᩉ và □ᩋ. - Phụ âm cuối □ᩈ và □ᩋ᩠. - Phụ âm cuối □ᩉ và □ᩈ. - âm đầu: ᩁ và ᩅ. - âm đầu: ᩆ và ᩇ. 2. Từ ngữ theo chủ điểm: nhà trường, gia đình, cộng đồng và quê hương đất nước. 3. Cấu tạo từ. 4. Từ đơn, từ đa âm : đặc điểm và chức năng . 5. Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất,đặc điểm; Từ có một Lang likuuk (*lưu ý phát âm: ngang; căng, trầm trong từ đa âm*). 6. Từ có cùng trọng âm nhưng khác về lang likuuk (tiền âm tiết). 7. Tên gọi các dấu câu và cách đặc dấu câu trong văn bản. 8. Câu kể;

- Nhận biết và đọc được những vần có âm đầu, phụ âm cuối. 2. Đọc hiểu: a) Đọc hiểu nội dung - Nhận biết được những thông tin chính trong đoạn văn, bài thơ. - Bước đầu biết tóm tắt văn bản. b) Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được đặc điểm của một số loại văn bản thông dụng (giấy mời, thơ, truyện ngắn,…), đơn giản. c) Liên hệ, so sánh, kết nối : - Nêu được một vấn đề có ý nghĩa đối với bản thân được gợi ra từ văn bản đã đọc. - Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản. d) Đọc mở rộng: Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 3-5 bài văn thông tin có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học. **III.VIẾT** 1. Kỹ thuật viết	9. Câu cảm. **KIẾN THỨC VĂN HỌC** 1. Đoạn văn ngắn: theo các chủ đề Nhà trường, gia đình, cộng đồng, quê hương đất nước. 2. Đặc điểm sơ giản của nhân vật. 3. Hình ảnh trong đoạn văn 4. Tranh minh hoạ nội dung đoạn văn. **NGỮ LIỆU** 1. Văn bản văn học: - Trích đoạn văn, đoạn thơ, bài thơ, đồng dao, ca dao tục ngữ Chăm: Dân tộc-cội nguồn; Đạo đức-luân lý; gia đình. - Câu đố về đồ dùng trong gia đình, cây cối, con vật. 2.Văn bản thông tin:

-Viết đúng chính tả và lưu ý những từ vựng dễ viết sai do đặc điểm phát âm của địa phương. Tốc độ viết khoảng 20-25 từ trong vòng 10 phút. -Trình bày bài viết sạch sẽ,đúng quy định. 2.Viết đoạn văn ngắn a) Quy trình viết - Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết; quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành bài viết, đoạn viết. -Viết đoạn văn thể hiện chủ đề, phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản. b)Thực hành viết - Viết được đoạn văn, bài thơ (nhìn – viết) - Điền được phần thông tin còn trống trong câu tục ngữ, ca dao, thành ngữ hoặc dưới tranh vẽ.	- Chủ đề nhà trường: *ngày khai trường; buổi học đầu tiên; thầy giáo lớp em; giữ sạch sân trường;…* - Chủ đề gia đình: *Công ơn cha mẹ; tấm lòng người mẹ; Giúp mẹ; tình yêu quê hương…* - Chủ đề cộng đồng: *Ngày hội Katê; làng văn hóa Chăm; tháp Chăm; nhạc cụ Chăm; tình bạn thân; lời Bác Hồ căn dặn;…* - Chủ đề quê hương đất nước:*Bác Hồ với các em thiếu nhi;cánh đồng lúa chín, tình làng nghĩa xóm;…* ***3.Gợi ý chọn văn bản***: (xem danh mục gợi ý)

Trình độ A1. Năm học thứ năm (lớp 5; số tiết 70 tiết)

Yêu cầu cần đạt	**Nội dung giáo dục**

I. NGHE – NÓI 1. Nghe Nghe được những nội dung quan trọng từ ý kiến của người khác 2. Nói - Điều chỉnh được lời nói từ tốc độ, âm lượng và từ ngữ cho phù hợp với người nghe . - Bước đầu biết dựa trên gợi ý giới thiệu về một di tích hoặc một địa chỉ vui chơi. 3. Nói-nghe tương tác - Nhận biết được một số lý lẽ và dẫn chứng mà người nói sử dụng để thuyết phục người nghe. - Nhận biết được một số lý lẽ và dẫn chứng mà người nói sử dụng để thuyết phục người nghe. **II. ĐỌC** 1. Kỹ thuật đọc - Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, bài văn miêu tả, bài thơ, tốc độ đọc khoảng 15-20 chữ trong 1 phút. - Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn lớp 4. - Bước đầu biết đọc lướt đoạn văn ngắn.	**KIẾN THỨC TIẾNG CHĂM** 1.Từ ngữ theo chủ điểm: nhà trường, gia đình, cộng đồng và quê hương đất nước. 2.Từ ghép, đại từ : đặc điểm và chức năng. 3. Tiếp tục cung cấp từ có cùng trọng âm nhưng khác về lang likuuk (tiền âm tiết). 4.Quan hệ từ (nối các từ trong một câu) 5.Câu hỏi đơn giản. 6.Chủ ngữ; 7.Vị ngữ. **KIẾN THỨC VĂN HỌC** 1. Bài thơ, bài văn ngắn (30-50 chữ). 2. Đặc điểm của nhân vật. 3. Hình ảnh trong bài thơ, bài văn ngắn. 4. Tranh minh hoạ nội dung bài thơ, bài văn. **NGỮ LIỆU** 1. Văn bản văn học:

2. Đọc hiểu a) Đọc hiểu nội dung - Nhận biết được những thông tin chính trong đoạn văn, bài thơ. -Biết tóm tắt nội dung chính văn bản. b) Đọc hiểu hình thức Nhận biết được đặc điểm của một số loại văn bản thông dụng (giấy mời, thơ, truyện ngắn), đơn giản. c) Liên hệ, so sánh, kết nối Nêu được ý nghĩa của từ vựng tiếng dân tộc đối chiếu với tiếng Việt. d) Đọc mở rộng Đọc thuộc một số đoạn văn và một bài thơ đã học. Những văn bản ngoài chương trình.	-Truyện cổ Chăm, truyện cổ các dân tộc anh em,truyện ngắn; đoạn văn miêu tả. -Trích đoạn thơ, bài thơ, đồng dao, ca dao tục ngữ Chăm. 2.Văn bản thông tin: - Chủ đề nhà trường: *thầy giáo lớp em; giữ gìn dụng cụ học tập, giữ sạch lớp học, sân trường;…* - Chủ đề gia đình: *vâng lời mẹ; bữa cơm gia đình; ru em; thích đọc sách;…* - Chủ đề cộng đồng: *lễ hội Katê; nghề dệt thổ cẩm Chăm; tục ngữ ca dao nói về luân lý đạo đức;…* - Chủ đề quê hương đất nước: *bốn mùa; Bác Hồ với các em thiếu nhi; người láng giềng; đầm sen; lễ hội đầu năm;…* ***3.Gợi ý chọn văn bản***: (xem danh mục gợi ý)
III. VIẾT 1. Kỹ thuật viết - Viết đúng chính tả và lưu ý những từ vựng dễ viết sai do đặc điểm phát âm của địa phương. Viết được 2 loại chính tả: +Chính tả nhìn-viết đối với văn xuôi.	

+Chính tả nghe-viết đối với bài thơ. -Tốc độ viết khoảng 25-30 chữ trong vòng 10 phút. -Trình bày bài viết sạch sẽ,đúng quy định. 2. Viết câu, đoạn văn ngắn a) Quy trình viết - Biết viết theo các bước: xác định mục đích và nội dung viết; quan sát và cách trình bày bài viết, đoạn viết. - Viết đoạn văn thể hiện chủ đề, phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản. b) Thực hành viết - Viết được đoạn văn, bài thơ theo các hình thức nhìn- viết và nghe-viết. - Điền được phần thông tin còn trống trong câu tục ngữ, ca dao, thành ngữ. - Điền được phần thông tin còn trống dưới tranh vẽ.	

Trình độ A2. Năm học thứ sáu (lớp 6; số tiết 105 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
I.NGHE – NÓI 1. Nghe -Bước đầu biết thuật lại một sự việc đã biết. 2.Nói -Biết giới thiệu thành đoạn văn ngắn về gia đình. -Bước đầu biết kể lại nội dung câu chuyện đã nghe đã học. -Bước đầu biết trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự. 3.Nói- nghe tương tác -Biết thảo luận về một vấn đề gần gủi, đơn giản trong đời sống. **II. ĐỌC** 1.Kỹ thuật đọc -Nhận biết cách ngắt nghỉ trong câu dấu phẩy. -Bước đầu đọc đúng văn bản đã học có độ dài khoảng 55-60 chữ, tốc độ đọc 15-20 chữ/phút.	**KIẾN THỨC TIẾNG CHĂM** 1. Giới thiệu từ có tiền âm tiết : - Tiếp tục cung cấp từ có cùng trọng âm nhưng khác về lang likuuk (tiền âm tiết). - Thành ngữ. - Tục ngữ. - Ca dao. - Đồng dao. 2. Từ ghép: - Từ ghép chính-phụ. - Từ ghép phụ nghĩa. 3. Danh từ; 4. Động từ; 5. Tính từ;

-Bước đầu biết đọc thầm với tốc độ đọc 20-25 chữ/phút. - Bước đầu biết cách đọc lướt một văn bản. 2. Đọc hiểu a) Đọc hiểu nội dung - Bước đầu nhận biết được những thông tin chính trong văn bản. - Bước đầu nhận biết được ý chính của từng đoạn trong văn bản. b) Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, hành động, lời nói… - Nhận biết được mục đích của văn bản. c) Liên hệ, so sánh, kết nối: Biết liên hệ so sánh,kết nối với thực tiễn cuộc sống và hiểu biết của học sinh. d) Đọc mở rộng Đọc thuộc một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình. Đọc hiểu văn bản ngoài chương trình.	6. Kiểu văn bản và thể loại: -Văn bản miêu tả; -Văn bản biểu cảm; -Văn bản thông tin; **KIẾN THỨC VĂN HỌC** 1. Tính biểu cảm của văn bản văn học. 2. Chi tiết và mối liên hệ giữa các chi tiết trong văn bản văn học. 3. Đề tài, chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết 4. Các yếu tố: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật trong câu chuyện. 5. Các yếu tố hình thức của thơ lục bát Chăm: số tiếng, số dòng, vần, nhịp. **NGỮ LIỆU** 1.Văn bản văn học -Truyện cổ Chăm: *Ai mạnh nhất, cậu bé*

III. VIẾT 1. Kỹ thuật viết - Viết đúng mẫu cỡ chữ nhỏ; chữ viết rõ ràng, đủ nét, đủ dấu âm, thẳng hàng dưới dòng kẻ. - Một đoạn văn hoặc đoạn thơ có độ dài khoảng 30 chữ theo hình thức nhìn-viết. Tốc độ viết từ 30 chữ trở lên trong vòng 10 phút. 3.2.Viết câu, đoạn văn ngắn: a) Quy trình viết: Bước đầu biết viết đoạn văn theo các bước: xác địnhnội dung viết (viết về cái gì); biết lựa chọn từ ngữ, mẫu câu đã học để diễn đạt suy nghĩ. b) Thực hành viết: - Sử dụng các từ ngữ và mẫu câu đã học viết được đoạn văn ngắn. - Viết được đoạn văn, bài thơ theo các hình thức nhìn – viết và nghe-viết. - Điền được phần thông tin còn trống trong câu tục ngữ, ca dao, thành ngữ hoặc dưới tranh vẽ.	*thông minh, hủ bạc của cha,…* - Truyện cổ của các dân tộc anh em: *quả bầu mẹ, cây lúa và cỏ,…* - Truyện ngắn trong các chủ đề: +Nhà trường: *em đi đến trường, vệ sinh lớp học, đồ dùng đầu năm học, giữ sạch phòng học,…* + Gia đình: *bữa cơm gia đình, bà con láng giềng, thư gửi cho bà nội,…* + Cộng đồng: *quang cảnh làng em, sắc màu ngày hội Katê,…* + Quê hương đất nước: *ngày hội văn hóa các dân tộc, tiếng trống ông vỗ Tìm, Bác về thăm Pắc-bó, bảo tàng tượng đá Chăm,…* - Thơ mới Chăm, cách gieo vần thơ 5 chữ: Bài "*sắp xếp*" 2. Văn bản thông tin: Văn bản thuật lại một sự kiện: *những mẩu chuyện về Bác Hồ.* 3. Gợi ý chọn văn bản: (xem danh mục gợi ý)

- Sắp xếp được các từ thành câu tục ngữ, thành ngữ hoặc ca dao.	

Trình độ A2. Năm học thứ bảy (lớp 7; số tiết 105 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
I. NGHE - NÓI 1. Nghe : Tóm tắt được ý chính do người khác trình bày. 2. Nói - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống. Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe. - Biết kể một câu chuyện ngắn. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề gần gủi, đơn giản trong đời sống. 3. Nói- nghe tương tác - Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. - Bước đầu biết thảo luận trong nhóm về một vấn đề cần thống nhất; xác định được điểm thống nhất và khác biệt giữa các thành	**KIẾN THỨC TIẾNG CHĂM** 1.Giới thiệu từ có tiền âm tiết: +Tiếp tục cung cấp từ có cùng trọng âm nhưng khác về lang likuuk (tiền âm tiết). +Từ láy: phưng thức láy và kiểu từ láy. +Từ có một, hai Lang likuuk. 2.Trạng từ; 3.Giới từ; 4.Lượng từ; 5.Phụ từ 6. Kiểu văn bản và thể loại:

viên trong nhóm để tìm cách giải quyết. **II. ĐỌC** 1. Kỹ thuật đọc - Đọc đúng văn bản nghệ thuật có độ dài khoảng 60-70 chữ. -Tốc độ đọc 20-25 chữ/phút. -Biết đọc thầm bằng mắt. -Tốc độ đọc 25-30 chữ/phút. - Biết cách đọc lướt một văn bản. 2. Đọc hiểu a) Đọc hiểu nội dung: - Nhận biết được thông tin chính trong văn bản. - Biết tóm tắt nội dung văn bản. b) Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được câu nêu ý chính của từng đoạn. - Nhận diện nhân vật, đặc điểm nhân vật, sự việc trong truyện. c) Liên hệ, so sánh, kết nối Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học. d) Đọc mở rộng	- Văn bản miêu tả - Văn bản biểu cảm - Văn bản thông tin - Ngôn ngữ của các vùng miền: hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền. **KIẾN THỨC VĂN HỌC** 1.Giá trị nhận thức của văn học. 2.Đề tài và chủ đề của văn bản; mối liên hệ giữa chi tiết với các chủ đề; thái độ, tình cảm tác giả thể hiện qua văn bản. 3.Văn bản tóm tắt 4.Hình thức của tục ngữ và thơ Chăm. 5.Nhan đề, dòng thơ, khổ thơ, vần , nhịp, ngôn từ và tác dụng của các yếu tố đó trong bài thơ Chăm. 6.Yếu tố tự sự, miêu tả trong thơ Chăm.

- Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 5-7 văn bản văn học có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình. **III.VIẾT** 1.Kỹ thuật viết - Viết đúng chính tả một đoạn văn, đoạn thơ có độ dài khoảng 30-40 chữ đã học. - Hình thức viết: nhìn-viết; nghe-viết. 2. Viết câu, đoạn văn ngắn a) Quy trình viết Bước đầu viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết, có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học. b)Thực hành viết - Viết được đoạn văn, bài thơ theo các hình thức nhìn – viết (đối với văn xuôi) và nghe-viết (đối với văn vần). - Điền được phần thông tin còn trống trong câu tục ngữ, ca dao, thành ngữ hoặc dưới tranh vẽ. -Biết chọn từ điền vào chỗ trống để cho tục ngữ, thành ngữ hoặc	**NGỮ LIỆU** 1. Văn bản văn học -Truyện cổ Chăm, truyện cổ của các dân tộc anh em, truyện ngắn ở các chủ đề: +Nhà trường: *em đi đến trường; gương tốt; ngày lao động vui vẻ; vệ sinh lớp học;…* +Gia đình: *nhớ ông; giữ sạch thân thể; bữa cơm gia đình; cây xoài ông em; anh Tom; gia đình ông ngoại;…* +Cộng đồng: *nghề dệt thổ cẩm Chăm; ngày hội đầu năm của người Chăm; Katê trên tháp; thư gửi cho bà…* +Quê hương, đất nước: *Sắc màu ngày hội Katê; Bác về thăm Pắc Bó; Bảo tàng tượng đá Chăm; không tham của rơi;…* - Thơ Chăm, cách gieo vần thơ 4 chữ. 2. Văn bản thông tin - Văn bản thuật lại một sự kiện: Những mẩu chuyện về Bác Hồ. Những mẩu chuyện về

ca dao trở thành hoàn chỉnh.	phong tục tập quán của người Chăm. - Văn bản tường trình. - Lưu ý thêm ngữ liệu tiếng Chăm ở các vùng miền khác nhau. ***3.*** Gợi ý chọn văn bản: (xem danh mục gợi ý)

Trình độ A2. Năm học thứ tám (lớp 8; số tiết 105 tiết)

Yêu cầu cần đạt	**Nội dung giáo dục**
I. NGHE – NÓI 1. Nghe Nghe và thuật lại được những sự việc chính. 2. Nói - Biết kể lại nội dung câu chuyện đã nghe đã đọc. -Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.	**KIẾN THỨC TIẾNG CHĂM** 1. Từ cùng nghĩa, từ trái nghĩa. 2. Từ có tiền âm tiết cùng trọng âm nhưng khác về lang likuuk (tiền âm tiết). 3.Cấu tạo từ: phương thức ghép, phương thức láy, yếu tố tiền tố.

3. Nói nghe tương tác - Biết giới thiệu thànhđoạn văn ngắn về lịch sử văn hóa. - Biết thảo luận một vấn đề gần gũi trong học tập, trong cuộc sống. **II. ĐỌC** 1.Kỹ thuật đọc - Đọc đúng văn bản nói chung có độ dài khoảng 70-80 chữ. - Tốc độ đọc 25-30 chữ/phút. - Biết đọc thầm, tốc độ đọc 30-35 chữ/phút. - Biết cách đọc lướt một văn bản. 2.Đọc hiểu a) Đọc hiểu nội dung - Nhận biết được thông tin chính trong văn bản. - Biết tóm tắt văn bản. b) Đọc hiểu hình thức Nhận biết được bố cục văn bản và cốt truyện.	4.Nghĩa của một số thành ngữ và tục ngữ tương đối thông dụng. 5. Câu đơn và các thành phần chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ (nâng cao). Các kiểu câu: câu hỏi, câu cảm, câu cầu khiến. 6.Tả được bài văn tả đồ vật. 7. Kiểu văn bản và thể loại: -Văn bản miêu tả -Văn bản biểu cảm -Văn bản thông tin **KIẾN THỨC VĂN HỌC** 1.Tưởng tượng trong tác phẩm văn học. 2.Một số yếu tố hình thức của đồng dao, ca dao: số lượng câu, chữ, vần và nhịp. 3.Người đọc và cách tiếp nhận riêng đối một văn bản văn học. 4.Nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống,

c) Liên hệ, so sánh, kết nối - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu được lý do.. - Nhận biết cách ngắt nghỉ trong câu, các dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm cảm… d) Đọc mở rộng Đọc thuộc một bài thơ, một số văn bản ngoài chương trình khoảng 35-40 chữ và một bài thơ đã học 3 khổ. **III. VIẾT** 1. Kỹ thuật viết - Viết đúng chính tả một đoạn văn, đoạn thơ có độ dài khoảng 40-45 chữ đã học. - Hình thức viết: nhìn-viết; tăng cường nghe-viết. 2. Viết câu, đoạn văn ngắn a) Quy trình viết Viết đoạn văn nội dung phù hợp với yêu cầu đề bài.	con người của tác giả. **NGỮ LIỆU** 1.Văn bản văn học -Truyện cổ Chăm, truyện cổ của các dân tộc anh em, truyện ngắn trong các chủ đề: +Nhà trường: *thầy giáo Nguyễn Tất Thành; trường Dục Thanh; buổi học cuối năm;…* +Gia đình: *em tôi; anh tôi; thư gửi Bố; đôi bạn thân;…* +Cộng đồng: *mùa xuân; mùa hạ; mùa thu; mùa đông;tiếng sáo;…* +Quê hương, đất nước: *anh hùng Pi-Năng-Tắc; thăm nghĩa trang liệt sĩ; nhà máy dệt…* -Đồng dao Chăm: cách gieo vần và ý nghĩa.

b) Thực hành viết - Biết tìm ý và lập dàn ý để viết một bài văn miêu tả: đồ vật (gồm 3 phần: mở bài, thân bài và kết luận) - Sử dụng các từ ngữ và mẫu câu đã học viết được đoạn văn ngắn, đơn giản theo chủ đề đã chọn. - Điền được phần thông tin còn trống trong câu tục ngữ, ca dao, thành ngữ hoặc dưới tranh vẽ. - Biết chọn từ điền vào chỗ trống để cho tục ngữ, thành ngữ hoặc ca dao trở thành hoàn chỉnh.	2.Văn bản thông tin -Văn bản thuật lại một sự kiện: Những mẩu chuyện về Bác Hồ. Những mẩu chuyện về phong tục tập quán của người Chăm. -Văn bản tường trình. 3.Gợi ý chọn văn bản: (xem danh mục gợi ý)

Trình độ A2. Năm học thứ chín (lớp 9; số tiết 105 tiết)

Yêu cầu cần đạt	**Kiến thức, nội dung**
I. NGHE – NÓI 1. Nghe Nghe và thuật lại được một sự việc câu chuyện đã nghe. 2. Nói	**KIẾN THỨC TIẾNG CHĂM** 1.Từ đồng âm. 2.Từ nhiều nghĩa. 3.Từ kiêng kỵ 4.Tiếp tục cung cấp từ có tiền âm tiết cùng

-Biết kể lại nội dung câu chuyện đã nghe đã đọc. -Trình bày được ý kiến về một vấn đề có tính thời sự. 3. .Nói-nghe tương tác -Biết giới thiệu thành đoạn văn ngắn về nhân vật tiêu biểu của địa phương. -Biết thảo luận một vấn đề gần gũi trong cuộc sống phù hợp với lứa tuổi. **II. ĐỌC** 1. Kỹ thuật đọc - Đọc đúng văn bản nghệ thuật có độ dài khoảng 50-90 chữ, tốc độ đọc 30-35 chữ/phút. - Biết đọc thầm, tốc độ đọc 35-40 chữ/phút. - Biết đọc lướt một văn bản. 2.Đọc hiểu a) Đọc hiểu nội dung - Nhận biết được thông tin chính trong văn bản. - Biết tóm tắt văn bản.	trọng âm nhưng khác về lang likuuk (tiền âm tiết). 5.Câu ghép. 6.Câu ghép đẳng lập. 7.Câu khẳng định. 8.Câu phủ định. 9.Cách làm bài văn viết thư. 10. Kiểu văn bản và thể loại: -Văn bản miêu tả; -Văn bản biểu cảm; -Văn bản thông tin; **KIẾN THỨC VĂN HỌC** 1.Tưởng tượng trong tác phẩm văn học. 2.Một số yếu tố hình thức của thơ: số lượng câu, chữ, vần và nhịp. 3.Người đọc và cách tiếp nhận riêng đối

b) Đọc hiểu hình thức Phân biệt lời nhân vật với lời người kể chuyện; phân tích được một số yếu tố trong truyện: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật chính,… c) Liên hệ, so sánh, kết nối Nhận biết cách ngắt nghỉ trong câu, các dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm cảm… d)Đọc mở rộng Đọc thuộc một số đoạn văn khoảng 40 chữ và một bài thơ đã học 3 khổ. Văn bản ngoài chương trình có độ dài tương đương. **III. VIẾT** 1.Kỹ thuật viết -Viết đúng chính tả một đoạn văn, đoạn thơ có độ dài khoảng 45-50 chữ đã học. - Hình thức viết: nghe-viết; nhớ-viết. 2. Viết câu, đoạn văn ngắn: a) Quy trình viết	một văn bản văn học. 4.Nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả. **NGỮ LIỆU** 1.Văn bản văn học -Truyện cổ Chăm, truyện cổ của các dân tộc anh em, truyện ngắn trong các chủ đề: +Nhà trường: *thầy thương trò; ca dao dạy nam nhi; ca dao dạy nữ nhi; ...* +Gia đình: *câu chuyện bó đũa; câu đố (khuyến học); ...* +Cộng đồng: *Giúp đỡ người tàn tật; gà mẹ và đàn con; ngày hội giao lương;cu gáy và kiến; lửa cháy nhà hàng xóm;...* +Quê hương, đất nước: *Bác về thăm quê; Bác Hồ lúc còn nhỏ; cháu ngoan Bác Hồ;anh bộ đội;...* -Đồng dao Chăm (bài con cò): cách gieo

Viết đoạn văn nội dung phù hợp với yêu cầu đề bài. Câu đoạn có mối liên hệ với nhau. b)Thực hành viết - Biết tìm ý và lập dàn ý để viết một bài văn viết thư (gồm 3 phần: mở bài, thân bài và kết luận) - Biết viết thư cho người thân: ông, bà, cha, mẹ, anh, chị,… - Biết chọn từ điền vào chỗ trống để cho tục ngữ, thành ngữ hoặc ca dao trở thành hoàn chỉnh.	vần và ý nghĩa. -Lưu ý sử dụng truyện cổ dân tộc Chăm ở một số vùng miền khác nhau khi biên soạn sách giáo khoa. 2.Gợi ý chọn văn bản: (xem danh mục gợi ý)

Trình độ B. Năm học thứ mười (lớp 10; số tiết 105tiết)

Yêu cầu cần đạt	**Nội dung giáo dục**
I. NGHE – NÓI 1. Nghe -Nghe hiểu nội dung câu chuyện và quan điểm của tác giả. -Biết thuật lại một sự việc đã nghe. 2. Nói	**KIẾN THỨC TIẾNG CHĂM** 1.Từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ) chú trọng đến các từ ngữ về: + Quyền trẻ em. + Tình đoàn kết giữa các dân tộc anh em.

- Kể được câu chuyện đã nghe, đã học. - Biết giới thiệu về một số hoạt động ở địa phương. 3. Nói nghe tương tác -Biết trình bày ý kiến của mình trước đông người. - Biết hỏi lại để hiểu rõ hơn điều người khác nói. -Thể hiện được thái độ thân thiện, hợp tác trong thảo luận, tranh luận. **II. ĐỌC** 1.Kỹ thuật đọc - Đọc đúng văn bản nghệ thuật có độ dài khoảng 100 chữ. - Tốc độ đọc 30-40 chữ/phút. - Biết đọc thầm; tốc độ đọc 40-50 chữ/phút. - Biết cách đọc lướt một văn bản dài. 2.Đọc hiểu a) Đọc hiểu nội dung - Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản. -Bước đầu biết phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng mà	+ Bảo vệ môi trường. + Bảo vệ tổ quốc. + Phong tục tập quán (mỹ tục) 2. Từ có tiền tố “ ಹಿ” 3. Từ có tiền tố “ ಪ್ರ” 4. Câu tường thuật. 5. Câu hỏi: tổng quát, chọn lựa và bộ phận. 6. Cách viết bài văn tả cây cối. 7. Kiểu văn bản và thể loại: -Văn bản miêu tả -Văn bản biểu cảm -Văn bản thông tin -Văn bản cổ: thơ/Ariya Pato Adat Kamei. **KIẾN THỨC VĂN HỌC**

văn bản muốn gửi đến người đọc. b) Đọc hiểu hình thức - Nhận biết đặc điểm của thể loại văn bản. - Phân tích được một số yếu tố trong truyện: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật chính, lời nhân vật… c) Liên hệ, so sánh, kết nối Nhận biết cách ngắt nghỉ các cụm từ dài trong câu. d) Đọc mở rộng Đọc thuộc một số văn bản khoảng 40-50 chữ và một bài thơ đã học 3-4 khổ. Văn bản ngoài chương trình có độ dài tương đương. **III. VIẾT** 1. Kỹ thuật viết - Viết đúng cỡ chữ mẫu chữ nhỏ; chữ viết rõ ràng, đủ nét, đủ dấu âm, thẳng hàng dưới dòng kẻ. - Viết đúng chính tả đoạn văn đoạn thơ có độ dài khoảng 50-60 chữ đã học theo hình thức nghe-viết.	1. Tưởng tượng trong tác phẩm văn học. 2. Một số yếu tố hình thức lục bát Chăm và lục bát Chăm theo cách gieo vần lục bát Việt: số lượng câu, chữ, vần và nhịp. 3. Người đọc và cách tiếp nhận riêng đối một văn bản văn học. 4 .Nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả. **NGỮ LIỆU** 1.Văn bản văn học - Truyện cổ Chăm, truyện cổ của các dân tộc anh em, truyện ngắn trong các chủ đề: + Nhà trường: *bài học đầu tiên; học cùng lớp; một buổi trật nhật; …* + Gia đình: *tấm lòng người chị; tấm lòng người mẹ; nhớ ngôi trường xưa; …* + Cộng đồng: *Một việc làm tốt; muối Cà-ná; nhà máy dệt Đa Nhim;…*

2. Viết đoạn văn, bài văn - Biết tìm ý và lập dàn ý để viết một bài văn miêu tả: cây cối (gồm 3 phần: mở bài, thân bài và kết luận) - Biết viết các văn bản thông thường.	+Quê hương, đất nước: *Làng Thành Tín; đất nước chúng ta; Vừ A Dính;…* -Đồng dao Chăm (bài Chim sâu): cách gieo vần và ý nghĩa. 2. Gợi ý chọn văn bản: (xem danh mục gợi ý)

Trình độ B. Năm học thứ mười một (lớp 11; số tiết 105 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
I. NGHE – NÓI 1. Nghe - Nghe hiểu nội dung câu chuyện và quan điểm của tác giả. - Biết thuật lại một sự việc, hoạt động ở trường lớp, địa phương đã nghe. 2. Nói - Biết trình bày ý kiến so sánh, đánh giá hai câu chuyện đã nghe, đã học.	**KIẾN THỨC TIẾNG CHĂM** 1. Phương ngữ Chăm. 2.Từ có tiền tố “ꨯ” 3. Từ có tiền tố “ꨆ” 4. Từ có trung tố “ꨯ” 5. Câu mệnh lệnh.

- Biết giới thiệu về danh lam, thắng cảnh và các hoạt động của địa phương. 3. Nói nghe tường tác - Biết trình bày ý kiến tranh luận về một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau. -Thể hiện thái độ tôn trọng người tham gia thảo luận, tranh luận. **II. ĐỌC** 1.Kỹ thuật đọc - Đọc đúng và lưu loát văn bản thông thường, hành chính khoa học có độ dài khoảng 120-140 chữ, tốc độ đọc 40-45 chữ/phút. - Biết đọc thầm bằng mắt, tốc độ đọc 45-50 chữ/phút. - Biết đọc lướt một văn bản dài. 2.Đọc hiểu a) Đọc hiểu nội dung - Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu đề tài. - Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng mà văn bản muốn	6. Câu cảm. 7. Tả được bài văn tả con vật. 8. Kiểu văn bản và thể loại: -Văn bản miêu tả; -Văn bản biểu cảm; -Văn bản thông tin; -Văn bản cổ "Gia huấn ca": thơ/Ariya Pato Adat Likei. **KIẾN THỨC VĂN HỌC** 1.Tưởng tượng trong tác phẩm văn học. 2.Một số đặc điểm của trường ca Chăm (Ariya): số lượng câu, chữ, vần và nhịp. 3.Người đọc và cách tiếp nhận riêng đối một văn bản văn học. 4.Nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả.

gửi đến người đọc. - Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng mà người viết thể hiện qua văn bản. b) Đọc hiểu hình thức - Nhận biết đặc điểm thể loại văn bản. - Đánh giá được cách giá trị của một số yếu tố nghệ thuật trong văn bản. c) Liên hệ, so sánh, kết nối: Nhận biết cách ngắt nghỉ các cụm từ dài trong câu, các dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm cảm…và các từ nối trong câu. d) Đọc mở rộng: Đọc thuộc một số văn bản khoảng 50 chữ và một bài thơ đã học 4 khổ. Văn bản ngoài chương trình có độ dài tương đương. **III. VIẾT** 1. Kỹ thuật viết - Viết đúng chữ cỡ mẫu chữ nhỏ; chữ viết rõ ràng, đủ nét, đủ dấu âm, thẳng hàng dưới dòng kẻ. - Viết đúng chính tả đoạn văn đoạn thơ có độdài khoảng 50-60 chữ đã học theo hình thức nghe-viết.	**NGỮ LIỆU** 1.Văn bản văn học -Truyện cổ Chăm, truyện cổ của các dân tộc anh em, truyện ngắn trong các chủ đề: +Nhà trường: *năm học mới; giờ tập thể dục; hết lòng vì học sinh thân yêu; ...* +Gia đình: *quê em đổi mới; lá buông quê em; ...* +Cộng đồng: *đoàn người cấy lúa; con voi Đắc lắc; đập Nha Trinh; ...* +Quê hương, đất nước: *cán bộ có gương tốt; bến táu Phan Thiết; chiến đấu đến hơi thở cuối cùng;...* 2. Gợi ý chọn văn bản: (xem danh mục gợi ý)

2. Viết đoạn văn, bài văn - Biết tìm ý và lập dàn ý để viết một bài văn miêu tả: con vật (gồm 3 phần: mở bài, thân bài và kết luận) - Biết viết các văn bản thông thường.	

Trình độ B. Năm học thứ mười hai (lớp 12; t 105 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
I. NGHE – NÓI 1.Nghe -Nghe hiểu nội dung và quan điểm của người nói. -Biết thuật lại lưu loát sự việc đã nghe. 2. Nói - Biết trình bày ý kiến so sánh, đánh giá về những điều đã nghe, đã học. 3. Nói nghe tương tác - Biết trình bày ý kiến tranh luận về một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau.	**KIẾN THỨC TIẾNG CHĂM** 1.Tiếp tục Phương ngữ Chăm. 2. So sánh lối viết vần chữ Chăm xưa và nay. 3. Một số văn bản cổ tiêu biểu trong sử thi, gia huấn ca / Ariya Chăm và Bà-ni, Sah Pakei. 4.Cấu trúc câu phức của tiếng Chăm (nhiều chủ ngữ hoặc nhiều vị ngữ). 5.Liên kết các vế câu trong một câu; liên kết các câu trong đoạn; liên kết các đoạn trong bài.. 7.Tả được bài văn tả người.

-Thể hiện được cách nghĩ, quan điểm, thái độ của cá nhân trong thảo luận, tranh luận. **II. ĐỌC** 1.Kỹ thuật đọc: - Đọc đúng và lưu loát văn bản nghệ thuật, hành chính khoa học có độ dài khoảng dưới 150 chữ, tốc độ đọc 45-50 chữ/phút. - Biết đọc thầm bằng mắt, tốc độ đọc 50-55 chữ/phút. - Biết cách đọc lướt một văn bản dài. 2.Đọc hiểu a) Đọc hiểu nội dung -Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu đề tài, câu chuyện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm. -Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng mà văn bản muốn gửi đến người đọc. -Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng mà người viết thể hiện qua văn bản. b) Đọc hiểu hình thức	8.Kiểu văn bản và thể loại: -Văn bản miêu tả -Văn bản biểu cảm -Văn bản thông tin **KIẾN THỨC VĂN HỌC** 1.Tưởng tượng trong tác phẩm văn học. 2.Một số yếu tố hình thức của thơ chân phương 4,5 hoặc 7 chữ: số lượng câu, chữ, vần và nhịp. 3.Người đọc và cách tiếp nhận riêng đối một văn bản văn học. 4.Nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả. **NGỮ LIỆU** 1.Văn bản văn học -Truyện cổ Chăm, truyện cổ của các dân tộc anh em, truyện ngắn trong các chủ đề: +Nhà trường: *việc giữ gìn nhà trường và lớp học; ...*

- Đánh giá được cách giá trị của một số yếu tố nghệ thuật trong văn bản. - Phân tích được mối quan hệ của các chi tiết trong văn bản. ***c)*** Liên hệ, so sánh, kết nối Nhận biết cách ngắt nghỉ các cụm từ dài trong câu, các dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm cảm…và các từ nối trong câu. ***d)*** Đọc mở rộng Đọc thuộc một số văn bản khoảng 60-70 chữ và một số bài thơ đã học 4 khổ. Văn bản tương đương ngoài chương trình có độ dài tương đương. **III. VIẾT** 1.Kỹ thuật viết -Viết đúng cỡ chữ mẫu chữ nhỏ; chữ viết rõ ràng, đủ nét, đủ dấu âm, thẳng hàng dưới dòng kẻ. -Viết đúng chính tả đoạn văn đoạn thơ có độdài khoảng 50-60 chữ đã học theo hình thức nghe-viết. 2. Viết đoạn văn, bài văn - Biết tìm ý và lập dàn ý để viết một bài văn miêu tả người (gồm	+Gia đình: *công việc mà bạn Han ước mong;tiếng ru; ...* +Cộng đồng: *em bé làng Ka-do;chung lòng;cậu bé; ...* +Quê hương, đất nước: *người lái máy bay Líp-Bi-Nốp;vịnh Hạ Long;...* 2. Gợi ý chọn văn bản: (xem danh mục gợi ý)

3 phần: mở bài, thân bài và kết luận) - Biết viết thư cho người thân. - Biết viết các văn bản thông thường.	

VII. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Định hướng chung

Chương trình môn Tiếng Chăm vận dụng các phương pháp giáo dục theo định hướng chung là phương pháp dạy tiếng mẹ đẻ; đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh vào cuộc sống.

Căn cứ vào chương trình, giáo viên chủ động, linh hoạt xây dựng và tổ chức các bài học theo định hướng sau:

a) Thực hiện yêu cầu dạy học tích hợp trong nội môn Tiếng Chăm và tích hợp liên môn. Trong môn Tiếng Chăm, việc dạy các kỹ năng nghe-nói-đọc-viết phải có mối gắn kết chặt chẽ với nhau, đồng thời nội dung học tập môn Tiếng Chăm phải có tính liên thông với các môn học khác về cả kiến thức và kỹ năng.

b) Chú trọng rèn luyện cho học sinh kỹ năng và phương pháp nghe, nói, đọc và viết tích cực và hiệu quả, thông qua các hoạt động học bằng nhiều hình thức trong và ngoài lớp học; chú trọng sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại để tạo hứng thú học tập cho học sinh.

c) Tăng cường, phát huy tính tích cực, tự lực của học sinh; dành nhiều thời gian cho học sinh nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu học tập, luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận ; biết tự nghe,nói,đọc và viết theo những yêu cầu và mức độ khác nhau; kiểm tra, đánh giá thường xuyên việc thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Để hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung đã nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông, giáo viên lựa chọn những phương pháp giáo dục phù hợp với môn Tiếng Chăm và đặc điểm đối tượng học sinh học Tiếng Chăm.

a) Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu

Thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy nghe,nói, đọc và viết ở từng trình độ, môn Tiếng Chăm cùng với tất cả các môn học khác góp phần hình thành và phát triển cho học sinh các phẩm chất chủ yếu với những biểu hiện chính sau đây:

– Biết yêu quý và tự hào về truyền thống của dân tộc; biết trân trọng và giữ gìn, phát huy các giá trị bản sắc văn hoá, văn học dân tộc Chăm; trân trọng và giữ gìn các di sản, di tích tại địa phương.

– Biết quan tâm đến những người thân, biết thể hiện sự cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh; tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh và văn hoá, biết tha thứ, độ lượng với người khác.

– Có ý thức tìm hiểu nghiên cứu về tiếng nói, chữ viết của người Chăm.

– Yêu lẽ phải, thẳng thắn trong việc thể hiện những suy nghĩ, tình cảm của mình.

– Biết yêu quý Tiếng Chăm, không ngại khi nói Tiếng Chăm. Có ý thức bảo tồn và phát triển ngôn ngữ Tiếng Chăm và bản sắc văn hóa của dân tộc Chăm; đồng thời, biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá của các dân tộc Việt nam và thế giới.

b) Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

Môn Tiếng Chăm góp phần cùng các môn học khác hình thành và phát triển ở học sinh các năng lực chung sau đây :

-Năng lực tự chủ và tự học : Thông qua nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp thực hoặc giả định, môn Tiếng Chăm giúp học sinh phát triển vốn sống, vốn hiểu biết để có được sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác : Việc sử dụng Tiếng Chăm trong giao tiếp ở trường lớp hay ở địa phương, học sinh được trau dồi kỹ năng giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo : Thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập trong môn Tiếng Chăm, học sinh được rèn luyện kỹ năng đánh giá sự vật, hiện tượng dưới những góc nhìn khác nhau, từ đó rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các năng lực đặc thù

a) Phương pháp dạy đọc

Mục đích chủ yếu của dạy đọc Tiếng Chăm trong nhà trường phổ thông là giúp học sinh biết đọc và tự đọc được văn bản viết bằng Tiếng Chăm.

Tùy vào đối tượng học sinh ở từng cấp học, lớp học và nội dung đọc (đọc âm, đọc tiếng, từ, câu, đoạn, bài) mà người dạy vận dụng các phương pháp, kỹ thuật và hình thức dạy học đọc cho phù hợp. Quan trọng nhất là học sinh có nhiều cơ hội thực hành, luyện tập kỹ năng đọc thành tiếng, đọc thầm, đọc hiểu thông qua các cách thức tổ chức hoạt động đọc linh hoạt. Khi dạy học đọc hiểu từ ngữ, nội dung văn bản, cần tăng cường sử dụng các yếu tố trực quan và thiết kế các loại câu hỏi đa dạng với những mức độ khác nhau, qua đó thực hiện dạy học phân hóa và hình thành, phát triển kỹ năng đọc cho học sinh. Học sinh phải được thảo luận, chia sẻ những cảm xúc và ý tưởng nảy sinh từ việc đọc dưới hình thức nói và viết (có thể dưới các hình thức khác như vẽ tranh, đóng kịch,… tùy theo năng khiếu, sở thích và hứng thú của học sinh). Góp phần hình thành và phát triển ở những học sinh có năng khiếu, khả năng thường thức và sáng tạo văn chương.

b) Phương pháp dạy học viết

Việc dạy học nghe, nói, đọc và viết có sự gắn kết chặt chẽ với nhau. Qua việc đọc và thảo luận về các văn bản đã đọc, học sinh có thể tìm thấy "khuôn mẫu" để phát triển năng lực viết của mình (về ngôn ngữ,về hình thức trình bày…).

Việc dạy viết có thể thực hiện theo nhiều cách thức khác nhau, tuỳ theo nội dung yêu cầu (viết kỹ thuật hay viết theo suy nghĩ, ý tưởng) và tuỳ thuộc năng lực của các nhóm đối tượng học sinh.

- Ở cấp độ A, nghiêng về luyện kỹ thuật viết Dạy kỹ thuật viết (tập viết, chính tả) chủ yếu sử dụng phương pháp thực hành theo mẫu. Dạy viết từ ngữ, câu văn có thể sử dụng các phương pháp như rèn luyện theo mẫu, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, viết sáng tạo,...

- Ở cấp độ B chú trọng cả yêu cầu kỹ thuật viết và viết đoạn văn, bài văn.Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện những nhiệm vụ phức tạp hơn như thu thập thông tin cho bài viết từ nhiều nguồn (tài liệu in, tài liệu trên mạng, phỏng vấn, thu thập dữ liệu từ thực tế); thảo luận, phân tích về tiêu chí đánh giá bài viết; biết tự chỉnh sửa, trao đổi trong nhóm để hoàn thiện bài viết và rút kinh nghiệm sau mỗi lần viết bài,...

Việc dạy viết cần tạo cơ hội để các em được viết nhiều và giáo viên phải dành thời gian để sửa kỹ và nhận xét những tiến bộ của học sinh trong bài viết. Qua việc đọc các bài viết của học sinh mà giáo viên nắm được các em có những hạn chế gì cần khắc phục để có những hỗ trợ phù hợp với từng em.

c) Phương pháp dạy nói và nghe

Định hướng của chương trình là giúp học sinh phát triển toàn diện năng lực giao tiếp, thể hiện không chỉ qua đọc, viết, mà còn qua cả nói và nghe. Đối với kỹ năng nói và nghe, học sinh sẽ được học trong sự kết hợp chặt chẽ cả yêu cầu nói và nghe cùng lúc. Sẽ có bài nghiêng về yêu cầu nói, có bài nghiêng về yêu cầu nghe và có bài yêu cầu nghe và nói tương tác.

Đối với việc dạy nói và nghe, giáo viên phải hướng dẫn cho học sinh cách thức, quy trình chuẩn bị một bài trình bày và trình bày trước nhóm, tổ, lớp; cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và tham gia thảo luận, tranh luận. Cần tạo được môi trường để học sinh được tự tin và tự do trình bày quan điểm, suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc.

- Về kỹ năng nói : Giáo viên cần chú ý hướng dẫn học sinh biết cách tập trung vào chủ đề và mục tiêu khi nói; biết thể hiện sự tự tin, năng động của người nói trong những ngữ cảnh giao tiếp đa dạng; biết cách nói rõ ràng, mạch lạc, phù hợp với ngữ cảnh, giúp người nghe dễ nắm bắt được nội dung; biết kiểm soát, điều chỉnh âm lượng và ngữ điệu; biết cách sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ trong khi nói, trình bày.

- Về kỹ năng nghe : Học sinh cần được rèn luyện kỹ năng nghe hiểu và thái độ lắng nghe phù hợp. Khi nghe, học sinh cần nắm bắt được nội dung do người khác nói hay độ chính xác của nội dung nghe được; hiểu và đánh giá được quan điểm, ý định của người nói; biết trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, đặc biệt là biết lắng nghe những ý kiến khác biệt.

- Về kỹ năng nghe – nói tương tác : Thông qua hoạt động thảo luận, tranh luận, giúp học sinh hiểu được tính chất tác động qua lại của ngôn ngữ nói và có được thái độ tích cực, hợp tác khi trao đổi, thảo luận, tranh luận; có khả năng giải quyết vấn đề qua trao đổi, thảo luận, tranh luận.

Dạy ngôn ngữ nói và viết thông qua bốn kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết) là xu hướng chung của chương trình dạy tiếng mẹ đẻ hiện nay. Chú trọng rèn kỹ năng nói sẽ tiếp tục phát triển được đặc điểm tự nhiên và cảm tính đã có ở vốn ngôn ngữ của trẻ, phát huy được năng lực cá nhân của các em, giúp các em chủ động hơn, tự tin hơn trong quá trình tiếp thu kiến thức và rèn kỹ năng ngôn ngữ.

VIII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả giáo dục trong môn Tiếng Chăm nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của học sinh trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Căn cứ đánh giá

Căn cứ đánh giá kết quả giáo dục trong môn Tiếng Chăm là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực đối với học sinh mỗi mức độ, trình độ, cấp độ đã quy định trong chương trình.

3. Nội dung đánh giá

Trong môn Tiếng Chăm, giáo viên đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù và sự tiến bộ của học sinh thông qua các hoạt động nghe, nói, đọc và viết.

Đánh giá hoạt động nói và nghe: Tập trung vào yêu cầu học sinh nói đúng chủ đề và mục tiêu; sự tự tin, năng động của người nói; biết chú ý đến người nghe; biết tranh luận và thuyết phục; có kỹ thuật nói thích hợp; biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ. Đối với kỹ năng nghe, yêu cầu học sinh nắm bắt nội dung do người khác nói; nắm bắt và đánh giá được quan điểm, ý định của người nói; biết đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói; biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

Đánh giá hoạt động đọc: Tập trung vào yêu cầu học sinh đọc đúng và hiểu nội dung, chủ đề của văn bản.

Đánh giá hoạt động viết: Tập trung vào yêu cầu học sinh viết đúng đoạn văn, tạo lập các kiểu văn bản: tự sự, miêu tả, kể, tường thuật. Việc đánh giá kỹ năng viết cần dựa vào các tiêu chí chủ yếu như nội dung, kết cấu bài viết, khả năng biểu đạt, hình thức ngôn ngữ và trình bày.

Đánh giá phẩm chất chủ yếu và năng lực chung trong môn Tiếng Chăm tập trung vào các hành vi, việc làm, cách ứng xử, những biểu hiện về thái độ, tình cảm của học sinh khi đọc, viết, nói và nghe; thực hiện chủ yếu bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét.

4. Cách thức đánh giá

Đánh giá trong môn tiếng Chăm thực hiện bằng cách: đánh giá thường xuyên.

Đánh giá thường xuyên được thực hiện trong suốt quá trình dạy học, do giáo viên môn học tổ chức; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá học sinh, học sinh đánh giá lẫn nhau, học sinh tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, giáo viên có thể dựa trên quan sát và ghi chép hằng ngày về học sinh, việc học sinh trả lời câu hỏi hoặc thuyết trình làm bài kiểm tra, làm dự án sưu tầm tư liệu, ...

Việc đánh giá phải bảo đảm nguyên tắc học sinh được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, và năng lực sử dụng ngôn ngữ Tiếng Chăm, biết thể hiện những suy nghĩ và tình cảm của chính học sinh; khuyến khích các bài viết có cá tính và sáng tạo. Học sinh cần được hướng dẫn tìm hiểu để có thể nắm vững mục tiêu, phương pháp và hệ thống các tiêu chí dùng để đánh giá các phẩm chất, năng lực này.

IX. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình này được áp dụng cho các trường học có nhu cầu và đủ điều kiện thực hiện Chương trình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình cần có đủ cơ sở vật chất trường lớp, sách giáo khoa, sách giáo viên, thiết bị dạy học theo quy định; có giáo viên dạy Tiếng Chăm đạt chuẩn trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định; cán bộ quản lý và giáo viên Tiếng Chăm được tham gia các khóa bồi dưỡng về chương trình, sách giáo khoa và phương pháp dạy học Tiếng Chăm.

X. DANH MỤC VĂN BẢN (NGỮ LIỆU)

Lớp 1, Lớp 2 và Lớp 3

Bộ chữ cái, dấu âm, vần Chăm:

- Bộ chữ cái (37 chữ cái),dấu âm (24 dấu âm), bộ vần Chăm (178 vần; trong đó 141 vần thông dụng và 37 vần ít dùng)

Văn vần (Thơ, ca dao, đồng dao)

-Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố Chăm của INRASARA, Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc,2006

+ Phong tục tập quán.

+ Học tập.

+ Gia đình.

Văn bản thông tin:

Các văn bản giới thiệu một số sự vật, hiện tượng, văn bản ngắn thuật 2- 3 việc làm cụ thể, mục lục sách…

Lớp 4 và Lớp 5

Văn xuôi:

(1) Sách học sinh Tiếng Chăm lớp 3 xuất bản tháng 9 năm 2009:

- Ngày khai trường. - Buổi học đầu tiên. - Thầy giáo lớp em.

- Tủ sách Xtac-đi. - Giữ gìn dụng cụ học tập.

- Giữ sạch sân trường. - Lòng mẹ. - Ông ngoại. - Mẹ em. - Con kiến.

- Đêm rằm. - Lễ hội Katê . - Làng Văn hóa Chăm.

- Nhạc cụ Chăm. - Giữ sạch thức ăn.

- Đôi bạn thân. - Lời Bác Hồ căn dặn. - Bác Hồ với thiếu niên. - Tình làng nghĩa xóm. - Đầm sen.

- Cánh đồng lúa chín. - Làng em. -Nhớ ơn. - Chim sâu. - Em lên lớp năm.

- Tập viết chữ. - Tục ngữ Chăm. - Giúp mẹ. - Ông ngoại.

- Bốn mùa. - Bác Hồ với các em thiếu nhi. - Đầm sen.

-Tục ngữ Chăm về gia đình. - Công ơn cha mẹ. - Hãy nhớ!

(2) Sách tiếng Chăm lớp 4 xuất bản năm 2010:

- Cây xoài ông em. - Bữa cơm gia đình. - Anh Tom.

- Thích đọc sách. - Ngày hội Katê.

- Nghề dệt thổ cẩm Chăm. - Người láng giềng. - Ai can đảm.

- Lễ hội đầu năm.

- Vâng lời mẹ - Chị em cấy lúa. - Ru em. - Ngày vui của em.

- Tuần lễ Chăm. - Tục ngữ Chăm (bài trừ tệ nạn xấu;kính trên nhường dưới; ăn mặc) - Nhớ ông.

Văn vần (Thơ, ca dao, câu đố)

Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố Chăm nói về ***gia đình, đạo đức,luân lý*** *của INRASARA, Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc,2006*

- Ca dao, tục ngữ:

+Dận tộc-Nguồn cội. *+Đạo đức-Luân lý.* *+Gia đình.*

- Câu đố: về đồ dùng trong gia đình, cây cối, con vật.

Văn bản thông tin:

Các văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu sách, văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc, hoặc cách sử dụng một sản phẩm, thư cảm ơn, in lỗi, thư thăm hỏi, ...

Lớp 6 và Lớp 7

Văn xuôi*:*

-Truyện cổ Chăm:

+Ai mạnh nhất; *+Cậu bé thông minh;* *+Hủ bạc của cha;*

+Sừng trâu và răng ngựa; *+Cây lúa và cỏ.*

-Truyện cổ của các dân tộc anh em:

+ Quả bầu mẹ (dân tộc Kh'mú) + Cây đao thần (dân tộc Tày) + Bồ câu gặp nạn (dân tộc Kh'mer)

+ Con bướm theo Nguyễn Thị Châu Giang (dân tộc Kinh)

**Những mẩu chuyện về Bác Hồ:*

- Qua suối. *- Noi gương Bác.*

Văn vần (Thơ, ca dao, tục ngữ):

- Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố Chăm của INRASARA, Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc,2006

**Tục ngữ: +Dận tộc-Nguồn cội. +Giàu-Nghèo. +Họ hàng -Máu mủ.*

**Thành ngữ: Người mẹ, lao động sản xuất,*

**Câu đố:Tên làng Chăm, con vật nuôi, đồ dùng sinh hoạt,...*

- Truyện thơ cổ Chăm: Gia Huấn Ca của Tổ Mẫu Chăm - Khuyết danh.

+Gia Huấn ca nói về Nam nhi (trích đoạn nói về công việc đồng án)

+Gia Huấn Ca nói về Nữ nhi (trích đoạn nói về công việc nội trợ)

- Sách Tiếng Chăm lớp 4 xuất bản năm 2010:

+Em đi đến trường. + Gương tốt. + Bạn tốt.+ Chị em đi cấy. + Ru em.

+Ngày lao động vui vẻ. + Tuần lễ Chăm.

+ Tục ngữ Chăm (bài trừ tệ nạn, kính trên nhường dưới, cách ăn mặc)

+ Thương nhớ ông. + Chim. + Làng Bầu Trúc. + Vâng lời mẹ.

+Ngày khai trường. +Vệ sinh lớp học. +Đồ dùng đầu năm học.

+ Vệ sinh thân thể.

+ Không tham của rơi. + Cây xoài ông em. + Bữa cơm gia đình.

+ Anh Tom.

+ Thích đọc sách. + Lễ hội Katê Chăm. + Nghề dệt thổ cẩm Chăm.

+Bà con láng giềng.

+ Lòng can đảm. + Ngày hội đầu năm của người Chăm.

+Tháp Pô Kloong Girai.

+ Tháp Pô Dam (Pô Tằm). +Ngày hội đua voi. + Đà Lạt.

+ Quang cảnh làng em.

+ Năm học mới. + Giữ sạch phòng học. + Dụng cụ học tập đầu năm.

+ Giữ sạch thân thể. + Không tham lam.

- Sách Tiếng Chăm lớp 5 xuất bản năm 2010:

+ Công ơn mẹ. + Công việc nấu nướng. + Học tập cho thỏa thích.

+ Katê trên tháp.

+ Phong cách ăn mặc. + Tiếng gà gáy. + Làng Chăm giàu có.+ Thương quê.

+ Nghề làm nông nghiệp. + Tiếng ru. + Cô giáo em. + Thầy giáo em.

+ Sắp xếp. + Vâng lời thầy cô.

+ Gia đình em Plôi. + Tấm lòng người chị. +Gia đình ông ngoại.

+ Thư gửi cho bà nội.

+ Sắc màu ngày hội Katê. + Bác về thăm Pắc Bó. + Tiếng trống ông Võ Tìm.

+ Quả bầu mẹ.

+ Ngày hội văn hóa các dân tộc. + Làng Thành Tín. +Bảo tàng tượng đá Chăm.

+Ngôi trường của em.+ Thầy giáo Nguyễn Tất Thành. + Gương sáng. + Quyết chí học tập.

- Sách Tiếng Chăm lớp 5 xuất bản năm 2002:

+ Thầy giáo Nguyễn Tất Thành.

Văn bản thông tin:

Các văn bản thuật lại một sự kiện lịch sử, tin nhắn, thư điện tử; văn bản giới thiệu một luật lệ / trò chơi…

Lớp 8 và Lớp 9

Văn xuôi:

-Sách Ngữ văn Chăm 3 xuất bản năm 1981:

+Dưới cơn mưa. +Tục ngữ ca dao Chăm (khuyến học) +Bến cá. +Bờ biển Cà Ná. +Quê hương giàu và đẹp.

+Đầm sen quê em. +Tiếng hát làng quê. +Anh bộ đội. +Chủ nhiệm hợp tác xã. +Trường Dục Thanh.

+Rừng mai quê em. +Thầy giáo Nguyễn Tất Thành. +Bác Hồ và các em nhỏ dân tộc thiểu số.

+Thư gửi cho bố. +Em tôi. +Gà mẹ và đàn con. +Anh tôi. +Đôi bạn. +Tiếng gà gáy.

+Giúp đỡ người tàn tật. +Tiếng sáo. +Câu đố. +Quê tôi. +Cây bông vải.

+Phát triển cây trồng. +Đàn đá. +Ngày hội giao lương thực. +Cháu ngoan Bác Hồ.

+Xem múa.+Vườn cây ao cá Bác Hồ. +Nhà máy dệt. +Bác Hồ ở chiến khu.

+Anh hùng Pi-Năng-Tắc. +Thăm nghĩa trang(liệt sĩ) +Mơ gặp Bác Hồ.

+Bác Hồ lúc còn nhỏ.

+Quả táo Bác Hồ. +Cháu về thăm lăng Bác. +Bác về thăm quê.

+Buổi học cuối năm.

+mùa xuân. +mùa hạ. + mùa thu. +mùa đông.

- Truyện cổ Chăm của Kinh Duy Trịnh, Nhà Xuất bản Kim Đồng, 2017:

+Hai người bạn. +Câu chuyện bó đũa.

- Truyện cổ Chăm:

+ Rùa vàng. + Trâu đực đẻ con. + Trí không của con người. + Núi vàng núi bạc.

- Truyện cổ của các dân tộc anh em:

+ Cu gáy và kiến của La Phong-Ten. + Câu chuyện quả cam theo Lê Sơn (dân tộc Kinh)

+ Lạc đà và ngựa của Lep-Tôn-Xtôi; + Lửa cháy nhà hàng xóm (dân tộc Kinh)

+ Chim,con nai và con ba ba (dân tộc Thái) +Con đĩa trâu và con nai (dân tộc Mã Lai)

- Những mẩu chuyện về Bác Hồ:

+ Điều mong muốn của Bác Hồ. – Noi gương Bác.

+ Những chuyện kể về Bác Hồ với thiếu niên, nhi đồng: Phan Tuyết và Bích Diệp sưu tầm.

+ Các em sạch và ngoan.

Văn vần (Thơ, ca dao, truyện thơ):

- Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố Chăm của INRASARA, Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc,2006

Tục ngữ:

+Khôn-Dại. +Kinh nghiệm sống. +Lời nói-Trí thức. +Thời tiết-Kinh nghiệm sản xuất

Thành ngữ:Trí tuệ

Câu đố:

+Vật dùng trong gia đình. + Cây cối, công cụ lao động sản xuất. + Thiên nhiên môi trường.

Truyện thơ cổ Chăm: Gia Huấn Ca của Tổ Mẫu Chăm - Khuyết danh.

+Trường ca, Gia Huấn ca nói về Nam nhi (trích đoạn nói về cộng đồng)

+Gia Huấn Ca nói về Nữ nhi (trích đoạn nói về lao động sản xuất)

**Tiếng Chăm căn bản của Thuận Ngọc Liêm, Sở Giáo Dục&Đào Tạo Ninh Thuận , 1999.*

+Thầy thương trò. +Tháp Chăm của Nông Quốc Chấn. +Làng tôi. +Tại sao ? (phần 1) +Tại sao ? (phần 2)

+Một số ca dao tục ngữ Chăm: -Khuyến học.

*+ Dạy **nam nhi** về đạo đức : -Lời dạy nam nhi về học tập; với cộng đồng;giúp đỡ nhau;*

*+Dạy **nữ nhi** về đạo đức: -Lời dạy nữ nhi về công việc gia đình;sản xuất; luật tục Chăm;*

Văn bản thông tin:

Tập Tài liệu giảng dạy cho cán bộ công chức tại **Ninh Thuận**, tháng 7 năm 2007:

- Đàn Kanhi Chăm. –Trống Ginăng Chăm

–Akhar Thrah (chữ Chăm phổ thông). –Tháp Chăm.

- Canh bồi người Chăm. –Giữ môi trường chung. – Lễ tẩy trần.

–Hai bàn tay.

-Đúng má đánh rồi. –Hồng gấm anh hùng. –Cũng là một chiến công.

–Múa dân gian Chăm.

-Nhạc cụ Chăm. *–Rija Nưgar (lễ hội đầu năm)*

-Lễ hội Katê.

-Câu chuyện trải chiếu. - Lễ hội Ramưwaan. –Bài học từ bữa tiệc.

–Lời bác sĩ.

-Làng thổ cẩm Chăm Mỹ Nghiệp *-Làng gốm gọ Bầu Trúc.*

Tập Tài liệu giảng dạy cho cán bộ công chức tại **Bình Thuận,** tháng 12 năm 2009:

-Lời kêu gọi của chủ tịch Hồ Chí Minh. *-Thư gửi bà.*

Lớp 10 , Lớp 11 và Lớp 12

Văn xuôi:

+Thả diều xứ nắng (Inrasara), truyền thuyết NXB Kim Đồng.

-Sách Ngữ văn Chăm 4 xuất bản 1986:

+Bài học đầu tiên. +Cùng lớp. +Một buổi trực nhật. +Tấm lòng người mẹ.

+Tấm lòng người chị.

+Thư gửi cho các anh bộ đội. +Lớp em lao động. +Việt Nam quê hương tôi.

+Quê hương đổi mới.

+Bến tàu ở quê hương Bác. +Cánh đồng bông vải. +Vựa lúa.

+Nhà máy điện Đa Nhim.

+Con kiến và con ve sầu. +Đoàn người cấy lúa. +Xây dựng hợp tác xã.

+Người thiếu niên anh hùng.

+Nghề dệt thổ cẩm Chăm.+Đất nước chúng ta+Trường Sơn. +Hang Pác-bó.

+Ca dao(đạo đức) +Lối sống giản dị của Bác Hồ. +Bác Hồ với thiếu niên.

+Lễ cuối học kỳ. +Cháu là đứa trẻ có học. +Câu đố (các loại quả)

+Vừ A Dính. +Một việc làm tốt. +Cháu vâng lời Bác.

+Quê hương giàu có. +Bến tàu Cẩm Liên +Ca dao (lao động sản xuất)

+Muối Cà-Ná.

+Đà Lạt. +Tục ngữ, ca dao (đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau)

+Đôi bàn tay.

+Làng Thành Tín. +Không gì đẹp hơn.+Dân tộc Chăm trong đại gia đình Việt Nam.

+Máy bay và đời sống hiện nay.+Không gì đẹp hơn (tiếp theo) +Cách mạng tháng chín thành công.

+Đời đời nhớ ơn Hồ Chí Minh vĩ đại. +Về thăm quê Bác.

+Cất có nơi và có chỗ.

+Nhớ ngôi trường xưa. +Công ơn Bác. +Dựa vào cách mạng. +Nghỉ hè.

-Sách Ngữ văn Chăm 5 xuất bản 1986:

+Năm học mới. +Tình mẹ con. +Niềm vui chung. +Em yêu.

+Người nhà Bác Hồ.

+Giờ tập thể dục. +Bài ca lao động. +Vườn trái cây. +Trồng cây cho đẹp xóm làng.

+Cảnh đồng quê. +Hết lòng vì học sinh thân yêu. +Lượm.

+Việc giữ gìn nhà trường và lớp học.

+Quê em đổi mới. +Vui mừng trên cánh đồng bông vải. +Ngày hội giao quân.

+Chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. +Trường Sơn. +Ngôi sao băng.

+Lời dặn của bố.

+Sức người. +Bến tàu Phan Thiết.

+Tình bạn ba nước Việt nam-Lào-Campuchia.

+Công việc mà bạn Han ước mong. *+Chung lòng.* *+Đập Nha Trinh.*

+Việc làm oai phong.

+Hát se chỉ (giao duyên) *+Cuộc vui giữa đồng bào Chăm và Kinh.*

+Con vịt lạc bầy.

+Tục ngữ (thời tiết-thời vụ) *+Vịnh Hạ Long.* *+Cậu bé.*

+Tục ngữ (đoàn kết,luân lý)

+Em bé làng Ka-Do. *+Lá buông quê em.* *+ Ba mươi năm đời ta có Đảng.*

+Thác Trị An. *+Con voi Đắc Lắc.* *+Tiếng ru.* *+Cán bộ có gương tốt.*

+Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. *+Thăm trường xưa Pác-Bó.* *+Người lái máy bay Lip-Bi-Nôp.*

+Lúc nào cũng nghĩ đến các cháu. *+Mùa hè đã về.*

-Truyện cổ Chăm tập 1 của Kinh Duy Trịnh, Nhà Xuất bản Kim Đồng, 2017:

+Chuột nhà và chuột đồng. *+Trâu đực đẻ con.* *+Bò và chó sói.*

+Kiến và ve sầu. *+Trí khôn của con người.* *+Núi vàng núi bạc.*

+Sự tích con khỉ. *+Cái ché bông bạc.* *+ Thỏ và ốc chạy thi.*

-Truyện cổ Chăm tập 2 của Kinh Duy Trịnh, Nhà Xuất bản Kim Đồng, 2019:

+Lời dặn của bác nông dân.

- Truyện cổ Chăm:

+Thỏ nổi tiếng là quan tòa giỏi. *+ Người tham vỡ bụng.*

- Truyện cổ của các dân tộc anh em:

+ Người Raglai làm giấy (dân tộc Raglai). *+Chàng nghèo tác biển (dân tộc Ê-đê)*

+Quả bầu mẹ (dân tộc Dao) *+ Bốn câu đố của người đốn củi (dân tộc Thái)*

+ Pê-Lanh-Đúc xử kiện (dân tộc Mã Lai) + Cây sáo Đing Năm (dân tộc Ê-đê)

- Những mẫu chuyện về Bác Hồ:

+ Lối sống giản dị của Bác Hồ. -Bảo vệ như thế là rất tốt.

+ Đời đời nhớ ơn chủ tịch Hồ Chí Minh. -Làng Chăm ơn Bác.

+Những chuyện kể về Bác Hồ với thiếu niên, nhi đồng: Phan Tuyết và Bích Diệp sưu tầm.

+ Chiếc rễ đa tròn. -Bác Hồ đến thăm bệnh viện. -Dành cho các Cháu.

Thơ, truyện thơ, … :

-Văn học Chăm 1–Khái luận , Inrasara (in lần thứ 4, năm 2020)

-Văn học Chăm 2–trường ca, sưu tầm-nghiên cứu , Inrasara (in lần thứ 3, năm 2011)

- Sử thi Akayet Chăm, Inrasara, NXB Văn hóa Khoa học xã hội,2009.

-Thơ hiện đại: Tuyển Văn học Chăm hiệnđại-Thơ, Inrasara.

-Tuyển tập tagalau, tuyển tập sáng tác-sưu tầm-nghiên cứu Chăm (21 tập,2000-2020)

****Truyện thơ cổ Chăm**:*

-Gia Huấn Ca của Tổ Mẫu Chăm (trích đoạn: Đạo đức, gia đình và cộng đồng)

-Thơ: Đất nước Việt nam (trích đoạn) của Nguyễn Đình Thi.

-Thơ: Sắc gốm làng Chăm của Thái Sơn Ngọc (Văn nghệ Bắc Bình năm 2017)

****Ca dao, tục ngữ Chăm**:*

+ Đoàn kết dân tộc. +Tục ngữ về lao động sản xuất.

Văn bản thông tin:

+Tập Tài liệu giảng dạy cho cán bộ công chức tại ***Ninh Thuận*** *năm xuất bản tháng 7 năm 2007 :*

-Giếng cổ người Chăm.- Nước và quan niệm của người Chăm. -Rừng đầu nguồn và quan niệm của người Chăm xưa.

-Người Chăm và biển. *-Khu đền tháp Mỹ Sơn.* *-Gạo trong lòng đất, vàng trong bàn tay.*

-Thổ cẩm Chăm. *-Lời kêu gọi tập thể dục.* *- Sức đề kháng của con người.*

-Người cùng Kút (nghĩa trang Chăm) *-Chẻ đũa.*

-Hàng tu sĩ Chăm. *-Chăm Ahier Chăm Awal.* *-Giúp mẹ.*

-Nhà truyền thống người Chăm. *-Quê em*

+Tập Tài liệu giảng dạy cho cán bộ công chức tại ***BìnhThuận****, 2009:*

-Bình Thuận quê hương tôi. *-Khái quát về lịch Chăm (cách tính, phương thức và quy tắc)*

-Làng thổ cẩm Chăm. *–Làng gốm gọ Bình Đức.* *–Làng Chăm Bình Thuận (Hàm Thuận Bắc)*

–Làng Chăm Bình Thuận (Bắc Bình) *–Làng Chăm Bình Thuận (Tuy Phong)*

-Tiếng Chăm căn bản của Thuận Ngọc Liêm do Sở Giáo Dục&Đào Tạo Ninh Thuận, 1999:

-Tục ngữ, ca dao: Về luân lý đạo đức

-Thơ cổ: Chăm – Bà-ni (trích đoạn 1 và 2)

- ***Tài liệu tự học tiếng Chăm*** *của nhóm biên soạn: Nguyễn Thị Thu Huyền-Bùi Văn Thành-Lộ Minh Trại-Vũ Thị Đào , Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, 2014:*

-Tục ngữ, ca dao, đồng dao Chăm.

+Sinh nhật cây xương rồng-Inrasara, NXB Văn hóa Dân tộc,2004.

+Thơ ba anh em (Phú Đạm, Inrasara, Jaya Thuksiam) NXB Văn Nghệ TPHCM,2014.

+Cổ tích trong lâu đài-Trà ma Hani, NXB- Kim Đồng,2004.

+ Sử thi, truyền thuyết, sấm ký, thơ tự do.

+Bảng dịch Tiếng Chăm sang Tiếng Việt và dịch Tiếng Việt sang Tiếng Chăm.

+ Giải thích thuật ngữ chuyên môn (có minh họa bằng Tiếng Chăm sắp xếp theo thứ tự A,B, C,…)